

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập gần 500 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt cát đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hay trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi hai tuần theo thứ tự họ với mẫu tự *A, B, C*... Xin cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Tác Giả và Tác Phẩm

Đào Trinh Nhất (Phần 2)

Tiểu sử & Tác phẩm
(xem *Vài hàng về tác giả*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Vài nét về Đào Trinh Nhất: Nhà báo – Lại Nguyên Ân – 5
“Cô Tư Hồng” của Đào Trinh Nhất như một tiểu thuyết – Trần Ngọc Hiếu - 9
Nhà văn nhà báo Đào Trinh Nhất - Viên Linh - 12

Phụ đính I

Đào Trinh Nhất – Nhị Linh - 14
Phan Khôi và Đào Trinh Nhất – Nhị Linh - 18

Phụ đính II

Cái giống khinh người - 26
Làm báo với tây - 27
Đào Trinh Nhất viết báo - 28
Rủi may âu cũng có trời - 29
Nhà báo Việt Nam tiên liệu sớm nhất số phận Xô Viết - 30

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Đào Trinh Nhất sinh năm Canh Tý (1900). Nguyên quán tại xã Thượng Phán, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình.

Ông là con trưởng Đình nguyên nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp) Đào Nguyên Phổ. Mẹ là Lương Thị Hòa, con gái Lương Ngọc Quyến và là cháu ngoại Lương Văn Can.

Thuở nhỏ, Đào Trinh Nhất theo học chữ Hán ở quê nhà, sau lên Hà Nội học chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

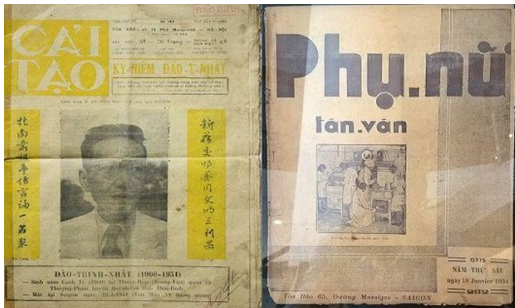
Từ năm 1921 – 1925, ông bước vào làng báo, làm biên tập Hữu thanh tạp chí và Thực nghiệp dân báo. Rồi viết bài cho các báo: Trung hòa nhật báo, báo Đông Pháp.

14 tháng 11 năm 1925, ông vào Sài Gòn, làm thư ký tại Chez Phan Chu Trinh, số 5 Catinat (nay là đường Đồng Khởi).

Năm 1926, ông sang Pháp du học. Ngày 15 tháng 4 năm đó, ông tới Paris, liên lạc với Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Như Phong và viết cho báo Việt Nam Hồn.

Năm 1929, ông về nước, ở luôn trong Nam viết báo, viết sách cho đến bị trục xuất về Bắc vào ngày 25 tháng 7 năm 1939.

Trong khoảng 10 năm ấy, ở Sài Gòn, ông đã cộng tác với các báo: Phụ nữ tân văn, Công luận, Thần chung, Tân Văn, Việt Nam, Điểm tin. Và làm chủ bút báo Đuốc Nhà Nam (Flambeau d'Annam) của Bùi Quang Chiêu (năm 1930-1931), tự xuất bản báo Mai (tháng 2 năm 1936-1938). Sau năm 1945-1947, chạy loạn về, tiên-sinh làm báo Ngày mới, báo Việt thanh (Bắc), và đến năm 1948 làm báo Cải-tạo, Phụ Nữ tân văn



Ra Hà Nội, ông viết cho tờ Trung Bắc Chủ nhật (1940-1945). báo Nước Nam (1944-1945).

Năm 1949-1950, ông vào Sài Gòn làm trong bộ Ngoại giao với Nguyễn Phan Long và viết cho báo Ánh sáng, Sài Gòn mới, Dân thanh cho đến ngày mất.

Ông mất trong một gian nhà nhỏ ở xóm Hòa Hưng (Sài Gòn) vào chiều thứ Sáu ngày 23 tháng 11 năm 1951, hưởng dương 52 tuổi, an táng tại nghĩa địa Hòa Hưng.

Được tin tiên-sinh mất, trong Nam ngoài Bắc làng báo, làng văn đều tỏ tình mến tiếc. Báo Tiếng-dội (Sài-gòn) chủ xướng việc xây mộ cho tiên-sinh.

Báo Cải-tạo (Hà-nội) tổ chức ngày lễ truy điệu long trọng và cho ra một số báo đặc biệt đầy đủ về tiên-sinh (Cải-tạo số 134 ngày 10-111(nc)-1951). Các báo đều có nói nhiều về thân thế, văn nghiệp tiên sinh, đăng đủ điệu tử, đối phúng, văn tế, thơ viếng.

Ngày ông nằm xuống, ở trong Nam (Sài Gòn) thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác có câu đối viếng: “Đàn Tân Văn nổi tiếng tài danh, ra Bắc vào Nam, giọt máu còn nơi dòng Nghĩa thực. Làng hãn mặc nhiều duyên tri kỷ, vàng rơi ngọc sót, nửa đời giờ tỉnh giấc Liêu trai.”

Còn ở ngoài Bắc, nhà văn Tam Lang Vũ Đình Chí có thơ khóc ông:

Tin về: anh mất buổi Xuân sang

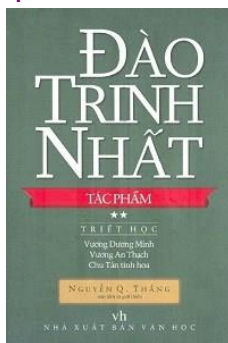
Gang tấc, thương ôi! Mấy dặm đường

*Cán viết tự do treo sợi tóc
Cửa đàn ngôn luận rủ cờ tang
Mắt anh, nước mắt trang cao sĩ
Còn nước, anh còn tiếng đại lang
Đồng nghiệp xiết bao tình cảm kích
Khóc anh, đâu phải lệ đôi hàng!*
(Tuần báo Cải Tạo, Hà Nội, số 134
ngày 10 Tháng Ba, 1951).

Tác phẩm

Tiên-sinh vốn là nhà báo làm văn cho nên hầu hết các tác phẩm của tiên-sinh đều đăng từng kỳ một trong các báo rồi sau mới in sách.

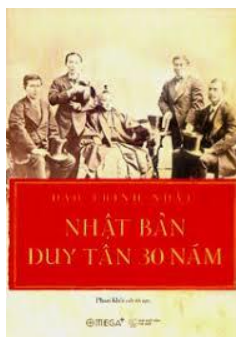
:



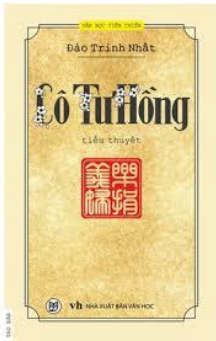
Thể lực khách trú (Thụy ký - Hà-nội, 1924)



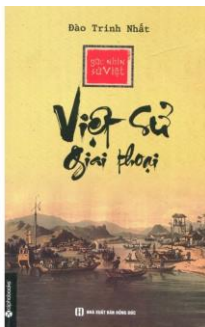
Thần tiên kinh (Dịch của A lan Kardec, 1930)
Nước Nhật bốn 30 năm duy tân (Đắc-lập - Huế, 1936)



Cô Tư Hồng (1942)



Kẻ bán trời, Con quý phong lưu, Bùi thị Xuân
Lê văn Khôi (1941-1945)
Việt sử giai thoại (1943)



Vương An-Thạch (1943)
Con trời ngã xuống đất đen (1944)
Chu Trần tinh-hoa (1944)
Vương Dương Minh (1943-1945)
vân vân ...



Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh, ông mới dịch được nửa bộ, đang đăng báo thì từ trần (Bốn Phương xuất bản-Sài Gòn, 1950)

Tiên-sinh có nhiều bút hiệu, tùy tính cách mục báo đang chủ biên, tùy tên báo đang biên tập. Tiên-sinh có tên tự là chính Quán-Chi. Chữ này xuất xứ ở sách tứ thư : Ngô đạo nhất dĩ Quán chi. Lại còn bút hiệu Tinh Vệ, Bất Nhị, V...v....

Nhận xét

Nhà văn Vũ Bằng

Anh em đều ngán vì ông nói khoan thai, chậm chạp, yếu ớt; đã thế có khi đến mười, mười lăm phút mới nói một câu; xong, ngồi xì ra đấy. Trong suốt thời kỳ tôi ở Nam, nằm hút ở đường Lefèbvre, Nhất vẫn cứ xì ra như thế; mặt ông lúc nào cũng bệch bạc, lạnh lẽo...làm cho người đối thoại với ông lần đầu không thể có cảm tình ngay; nhưng biết Nhất lâu ngày, anh em thân đều nhận ông là một người chung thủy, trước sau như một và đối xử rất tận tình với bạn. Đối với làng báo, những bài sưu tầm, nghiên cứu của ông được người ta tìm đọc, một phần vì tài liệu súc tích, mà một phần cũng vì ông đã khéo làm những cái tit khiến cho độc giả giựt gân, muốn đọc xem trong bài ông nói gì. Độc giả Trung Bắc Chủ Nhật mê Đào Trinh Nhất là vào hồi ông viết tiểu thuyết dài như "Cô Tư Hồng", "Con Quỷ Phong Lưu"... khá dĩ đối địch được lại với những truyện dài của Lê Văn Trương lúc ấy đang làm mưa làm gió trong làng tiểu thuyết...Ông bị Tây trục xuất vì bị ngờ là chống lại họ và thân Nhật...^[2]

Từ điển Văn học (bộ mới):

Khuynh hướng chủ yếu trong tác phẩm của ông là tiểu thuyết lịch sử, nhằm vun đắp cho "tòa nhà quốc học" mà các nhà văn hóa và yêu nước tiền bối đã cống hiến suốt đời...Bằng ngòi bút pha chất ký sự lịch sử, ông muốn khôi phục lại truyền thống vẻ vang, quật cường của nhân dân Việt nói riêng và tinh thần thâm thúy phương Đông nói chung...Về phương pháp, Đào Trinh Nhất có cách làm việc nghiêm túc, thận trọng, cho nên dù không rõ xuất xứ, ta vẫn có được một sự tin cậy. Nhìn ở cả hai phương diện: sáng tác và biên khảo, ông đều có những đóng góp nhất định. Cũng như Trúc Khê Ngô Văn Triện và Phan Trần Chúc, ông đã biết dùng ngòi bút nghệ thuật làm sống lại nhiều tư liệu đã mai một trong lịch sử cận đại Việt Nam ^[3].

Nhà văn Vũ Ngọc Phan:

Đọc những sách ký sự của Đào Trinh Nhất, người ta thấy ông là một nhà văn thận trọng: những việc ông thuật lại đều là những việc có căn cứ, không vu vơ, không tưởng tượng. Đó chính là những điều cốt yếu cho một quyển lịch sử ký sự^[4].

Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam:

Đào Trinh Nhất là một nhà nghiên cứu, một nhà văn sung sức của văn học Việt Nam hiện đại^[6].

(nguồn: Trương Văn Thu & Phạm Vân Anh)

Vài nét về Đào Trinh Nhất: Nhà báo Lại Nguyên Ân

Còn nhớ, cách nay mấy năm, khi không thu xếp được thời gian tham gia đoàn nhà báo, nhà nghiên cứu về Thái Bình dự kỷ niệm danh nhân Đào Nguyên Phổ (1861-1908), tôi đã gọi điện cho Gs. Chương Thâu, người đi trong đoàn, nhờ ông chuyển đề nghị của mình tới họ Đào ở Thái Bình lưu ý nghiên cứu sưu tầm các tác phẩm của người con trai cả cụ Đào Nguyên Phổ là ông Đào Trinh Nhất (1900-51), một trong những nhà báo kỳ cựu, một cây bút biên khảo sử học nghiêm túc.

Gần đây, được tin một sưu tập tác phẩm Đào Trinh Nhất đang được hoàn thiện, tôi rất mừng, song cũng còn đôi điều chưa thấy thỏa mãn, – ấy là được biết sưu tập này chỉ mới tập hợp các sách đã xuất bản trong sinh thời tác gia Đào Trinh Nhất, chứ chưa tập hợp được các tác phẩm đăng báo của tác gia này.

Tuy vậy, khi Gs. Chương Thâu và Gs. Đinh Xuân Lâm đề nghị tôi viết về đời làm báo của Đào Trinh Nhất, tôi lại thấy đề tài này dù sao vẫn còn nằm ngoài tầm tìm hiểu của tôi. Đáp lại thịnh tình của hai Gs. và nhóm biên soạn, tôi xin nói ít điều tôi biết được về khía cạnh nhà báo Đào Trinh Nhất.

Thật ra, những gì tôi biết về nhà báo Đào Trinh Nhất đều là những thu nhận dọc đường, trong quá trình tôi nghiên cứu tìm hiểu hoạt động báo chí của tác giả Phan Khôi (1887-1959): bên cạnh bài vở của Phan Khôi, trong một thời gian khá dài trên báo chí ở Sài Gòn những năm 1930, tôi luôn thấy hiện diện bóng dáng Đào Trinh Nhất.

Đúng ra, Đào Trinh Nhất vào làng báo Việt rất sớm, từ lúc ông mới bước vào tuổi hai mươi. Có lẽ là ngay khi còn đang đi học hoặc vừa thôi học tiếng Pháp, tại Hà Nội, Đào Trinh Nhất đã tham gia biên tập cho tạp chí *Hữu thanh* (1921-1924) và *Thực nghiệp dân báo* (1920-1934), – trong thành phần tòa soạn nhật báo này ngay từ đầu đã có tên của Điền Hải Tử Đào Trinh Nhất. Nhưng về toàn bộ hoạt động của ngòi bút Đào Trinh Nhất trên hai ấn phẩm vừa kể tên của hội Bắc Kỳ công thương đồng ái hữu, – thì tôi chưa có dịp tìm hiểu chi tiết.

Được biết, từ 1925 Đào Trinh Nhất vào Sài Gòn và năm sau sang Pháp du học. Hai năm sau nữa, ông lại trở về Sài Gòn, tiếp tục cuộc đời viết báo.

Đầu năm 1928, khi Phan Khôi lặng lẽ xuất hiện trên *Đông Pháp thời báo* dưới bút danh C.D. (Chương Dân) thì Đào Trinh Nhất cũng xuất hiện trên tờ nhật báo này dưới bút danh Q.C. (Quán Chi).

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử báo chí đã ghi nhận việc Diệp Văn Kỳ (1895-1945) đậu cử nhân từ Pháp về, bước vào nghề báo (1927), đã tập hợp được khá nhiều cây bút có tiếng, từ **Tân Đà, Ngô Tất Tố từ miền Bắc** đến Phan Khôi, Bùi Thế Mỹ từ miền Trung, Nguyễn Văn Bá, Phan Văn Hùm và nhiều cây bút khác ở Nam Kỳ. Tờ *Đông Pháp thời báo* mà họ Diệp mua lại từ tay Nguyễn Kim Đính (từ số 635, ngày thứ sáu 14/10/1927), điều hành nó theo hướng mới (đến 22/11/1928), sau đó đổi nó thành *Thần chung* (từ 7/1/1929), cho đến khi tờ *Thần chung* bị đóng cửa (22/3/1930), sở dĩ có thể hiện diện trước công chúng như một tờ báo theo xu hướng đổi lập, mang “tinh thần chống chính quyền thực dân” với “ý thức quốc gia dân tộc biểu lộ quá rõ rệt”^[1] chính là nhờ có một bộ biên tập gồm những cây bút cấp tiến giàu tinh thần dân tộc như hầu hết những tên tuổi kể trên.

Trong mục “Câu chuyện hằng ngày” (trên *Đông Pháp thời báo* và *Thần chung*) mà Diệp Văn Kỳ lập ra, – ban đầu có nhiều người viết và ký tên khác nhau, – **Đào Trinh Nhất là một trong số cây bút đóng góp khá nhiều bài**. Sở tay tư liệu của tôi ghi được một số tên bài trong mục này do Q.C. viết, chẳng hạn: *Mô-ni-vông vạn tuế – Ai giết bà Lê Thị Chính – Nghĩ lập một cái hội chùa rượu* (s. 673, ngày 19/1/1928); *Một chuyện về lịch sử* (s. 677, ngày 2/2/1928); *Quan lớn vào Nam Kỳ – Khéo thay cái nghề làm Toàn quyền* (s. 678, ngày 4/2/1928); *Mấy ông vua thất nghiệp* (s. 679, ngày 7/2/1928); *Tin ông Bùi Bằng Đoàn vào Nam* (s. 680, ngày 9/2/1928); *Sau vụ giết người Tây ở Phú Riêng* (s. 684, ngày 18/2/1928); *Mấy cái quái trong các báo Tây – Câu chuyện Pháp-Việt để huê* (s. 697, ngày 20/3/1928)... đã cho thấy Đào Trinh Nhất là một trong những cây bút đã phác thảo kiểu dáng các loại bài bình luận thời sự chính trị xã hội, xây dựng các chuyên mục báo chí.

Sang năm 1929, khi Diệp Văn Kỳ, nhân xin được giấy phép ra một tờ báo mới, đã tự ngưng tờ *Đông Pháp thời báo* (từ 22/11/1928) đang hồi bán chạy, rồi sau đó 2 tuần cho xuất hiện lại chính tờ báo ấy dưới nhan đề mới *Thần chung* (từ 7/1/1929), thì Phan Khôi vẫn viết đều cho tờ này, thậm chí xuất hiện cùng lúc dưới vài ba bút danh (Tân Việt trong chuyên mục “Câu chuyện hằng ngày”, Khải Minh Tử trong một số bài về văn hóa tư tưởng Trung Hoa, và Phan Khôi trong loạt bài *Cái ảnh hưởng của Không giáo ở nước ta* đăng liên tục 21 kỳ báo).

Trong khi đó, Đào Trinh Nhất lại rất ít góp mặt trên tờ báo này. Lý do có lẽ là ở việc ông nhận lời làm chủ bút cho tờ *Đuốc nhà Nam* của đảng Lập hiến Nam Kỳ (tờ này ra mắt từ 26/9/1928, chưa rõ Đào Trinh Nhất làm việc cho tờ này trong khoảng thời gian nào?). Đồng thời cũng trong năm 1929, Phan Khôi và Đào Trinh Nhất cùng được vợ chồng doanh gia Cao Thị Khanh-Nguyễn Đức Nhuận mời tổ chức và vận hành tờ tuần san *Phụ nữ tân văn* (ra mắt từ 2/5/1929). Với tờ tuần báo này, Đào Trinh Nhất giữ vai trò chủ bút hầu như ngay từ đầu, Phan Khôi chỉ tự coi mình là người cộng tác, nhưng với một lượng bài vở lớn, khiến tên tuổi cả chính ông lẫn tờ báo này đều nhanh chóng nổi đình đám. Theo dư luận báo chí Sài Gòn đương thời, hai ông họ Đào và họ Phan đều gánh vác ngang nhau công việc của tờ báo, nhất là khi báo bị cấm, ban đầu là cấm vĩnh viễn (từ 9/12/1930, sau số 82), sau đó giảm thành cấm liền 5 tháng; để “tái thế” *Phụ nữ tân văn*, “hai ông, ông tú Phan Khôi và ông Đào Trinh Nhất, sẽ chia nhau đứng mũi chịu sào cho chiếc thuyền Phụ Nữ”.^[2]

Đây là tờ báo có xu hướng xã hội ngay từ đầu chứ không chỉ hoạt động theo lối thông tin thương mại đơn thuần; xu hướng của nó là nêu vấn đề phụ nữ như một nội dung cụ thể của việc duy tân (đổi mới) xã hội người Việt. Những đề tài được tổ chức rất thành công, ví dụ cuộc trưng cầu ý kiến “Các danh nhân trong nước đối với vấn đề phụ nữ”, hoặc tổ chức học bổng của *Phụ nữ tân văn*, v.v... cho thấy những nỗ lực kiểu mới của những người điều hành một cơ quan ngôn luận. Ngoài loại công việc không tên của người phụ trách tòa soạn, Đào Trinh Nhất còn viết nhiều loạt bài đăng trên tuần báo này, ví dụ loạt bài về “nữ tử giáo dục” ở Nhật Bản (khởi đăng từ số 1, ngày 2/5/1929), hoặc loạt bài du ký *Mười tháng ở Pháp*, nấp sau một bút danh rất phụ nữ là “cô Phạm Vân Anh”, – bút danh này ông cũng dùng để ký loạt bài *Cái đời gian truân luân lạc của cụ Phan Văn Trường* (P.N.T.V. từ số 211, ngày 10/8/1933 đến số 218, ngày 18/9/1933),^[3] ngay sau khi cụ Phan mất.

Ở tờ nhật báo *Đuốc nhà Nam*, Đào Trinh Nhất viết riêng một mục hài đàm ký bút danh Nam Chúc. Phan Khôi dưới bút danh Thông Reo trong mục “Những điều nghe thấy” trên nhật báo *Trung lập* thường hay trò chuyện với “anh Nam Chúc” này, chia sẻ nhiều điều về đời sống thường ngày ở thành phố Sài Gòn. Nhưng giữa hai người bạn này có lúc cũng nảy sinh sóng gió, nhất là khi Phan Khôi lên tiếng công kích thái độ mũ ni che tai của những ông nghị thuộc đảng Lập hiến, – tự coi là chính khách nhưng lại im lặng trước việc chính quyền thực dân đàn áp các cuộc biểu tình của dân chúng hồi giữa năm 1930, – cuộc công kích đã biến thành cuộc bút chiến giữa hai nhật báo *Trung lập* (nơi Phan Khôi đứng tên để viết bài) và *Đuốc nhà Nam* (nơi Đào Trinh Nhất làm chủ bút); chủ nhiệm Nguyễn Phan Long lâm vào thế bí, đành vi phạm cái nguyên tắc không nên làm là thoái thác tranh cãi đồng thời sinh sự nói xấu người tranh luận với mình; Phan Khôi nổi giận, đòi chỉ mặt vạch tên kẻ xấu chơi; chủ bút Đào Trinh Nhất phải một phen ra tay dàn xếp để hạ nhiệt mối xung đột giữa ông chủ với ông bạn. Vài năm sau, lúc họ Đào gặp nạn (ông bị bắt vì bị tình nghi phạm tội tống tiền, khi vẫn đang là chủ bút *Đuốc nhà Nam*), nhiều kẻ ganh ghét được dịp châm chọc móc má (có người viết: “Thứ cái thằng, ở với Cao Đài chửi Cao Đài, ở với ông Kỳ chửi ông Kỳ, nó là thằng Lữ Bố trong đời nay, có ai mà chủ nó; chủ nó có họa đồng tiền”!) thì người lên tiếng thông cảm trên mặt báo lại cũng chính là Thông Reo – Phan Khôi.^[4]

Đầu năm 1933, Phan Khôi rời Sài Gòn ra Bắc, Đào Trinh Nhất vẫn ở lại Sài Gòn; sau khi tai qua nạn khỏi, không rõ ông quay lại làm việc với *Đuốc nhà Nam* hay làm việc với báo khác? Song, có thể đoán chắc rằng ông vẫn làm việc với tờ *Phụ nữ tân văn* cho đến gần những số cuối cùng, và có lẽ chỉ sau khi tờ tuần báo mà ông gắn bó thủy chung này đã không thể hồi sinh, ông mới bắt tay vào việc lập ra báo *Mai*.

Về tờ báo *Mai* do Đào Trinh Nhất sáng lập, theo Nguyễn Thành (*Từ điển thư tịch báo chí Việt Nam*, H.: Nxb. VHTT, 2000, tr. 331): báo này ra không xác định kỳ hạn, số 1 ra ngày 5/8/1935, số cuối: s. 108, ra trong tháng 10/1939; tuy vậy hiện không có sưu tập báo này tại thư viện quốc gia nên không rõ nội dung bài vở đăng tải trên đó.

Tôi chỉ tìm thấy dấu tích rõ rệt của việc: năm 1937, Đào Trinh Nhất được cử tạm thay Bùi Thế Mỹ (bị trục xuất 6 tháng về Trung Kỳ) làm chủ bút nhật báo *Điện tín* (theo cách viết hồi ấy là “*Điện tín*”) từ đầu năm đến giữa năm; mục “Nhặt ký” mà trước đó chủ bút Bùi Thế Mỹ viết và ký Lan Đình, thời gian ấy vẫn giữ nguyên tên mục, nhưng người viết ký là Hậu Đình, – đó là Đào Trinh Nhất. Ngoài ra, ông có những bài tường thuật mấy cuộc diễn thuyết của Nguyễn Tiến Lãng tại Sài Gòn về ca nhạc dân gian Việt Nam, về thi sĩ Tân Đà (*Điện tín*, s. 634, ngày 6/3/1937), tường thuật cuộc gặp lại và hỏi chuyện cụ Nguyễn Quyền (1869-1941) tại Sài Gòn, nhân cụ từ Bến Tre, – nơi cụ bị an trí từ sau khi ở Côn Đảo trở về, – lên Sài Gòn xin gặp đại sứ lao động Justin Godart mới từ Pháp qua Sài Gòn (*Vài giờ nói chuyện với người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục // Điện tín*, từ s. 639, ngày 12/3/1937 đến s. 650, ngày 25/3/1937), – những bài này ông đều ký bút danh N. (= Nhất) kể cả bài *Tại sao tôi viết sách* (*ĐT*, s. 653, ngày 30/3/1937) giải thích lý do ông viết các cuốn “*Nhặt Bỏn 30 năm duy tân*” và “*Phan Đình Phùng*” mà nhà phê bình Thiều Sơn điểm bình trên báo chí Sài Gòn.

Năm 1939, Đào Trinh Nhất bị trục xuất về Bắc Kỳ. Theo một số nguồn tài liệu thì những năm lưu lại miền Bắc (1939-1949), ông cộng tác với khá nhiều tờ báo khác nhau: *Trung Bắc chủ nhật*, *Nước Nam*, *Ngày mới*, *Việt thanh*, *Cải tạo*, ... Nhưng tất cả những nguồn này hầu như đều chưa được tiếp cận để có thể nói tới những bài đăng cụ thể của ký giả Đào Trinh Nhất.

Trong số những tờ báo kể trên, tôi đã có dịp đọc sưu tập *Trung Bắc chủ nhật*, nhưng khi đó (năm 2000) là để tìm tác phẩm của một số tác gia khác (Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Bùi Hiên, Kim Lân, ...); tôi nhớ khi thoáng thấy loạt bài phác thảo tiến trình lịch sử báo chí ở xã hội người Việt ký tên Quán Chi (*Thử tìm long mạch của tờ báo ta* đăng *Trung Bắc chủ nhật*, từ s. 101, ngày 8/3/1942 đến số 104, ngày 29/3/1942), tôi đã thấy sự liên mạch của nó với một bài khác, từng đăng *Phụ nữ tân văn* trong Nam với bút danh Phạm Vân Anh (*Nghề làm báo ở nước ta mấy trăm năm trước. Ông bà ta xưa đã biết cách làm báo thông tin // PNTV*, s. 222, ngày 26/10/1933). Một số tài liệu khác cho biết, trên *Trung Bắc chủ nhật* Đào Trinh Nhất còn ký các bút danh khác, với những loạt bài đăng đều kỳ mà về sau sẽ in thành sách, ví dụ truyện ký về cô Tư Hồng.

Theo nhận xét của tôi, nét tiêu biểu của cây bút Đào Trinh Nhất là *biên khảo sử học*. Nếu ông viết truyện thì thuận lợi cho ngòi bút ông là loại truyện ký về nhân vật lịch sử, về các danh nhân, không phải loại truyện hư cấu. Sinh trưởng vào thời đại của báo in, ngòi bút ông không thiếu, trái lại khá dư thừa khả năng viết đủ mọi thể tài, nhưng ông quen gắn với loại bài đăng dài kỳ, mang tính chuyên đề. Theo cách phân biệt của báo chí “cổ điển” (thế kỷ XIX - đầu XX), Đào Trinh Nhất cũng có thể giữ vai trò “người viết cột” (columnist) như Phan Khôi, nhưng thích hợp cho ông vẫn là đứng vào hàng những tác giả viết bài đăng đều kỳ (feuilleton), tuy rằng số đông những tác giả đăng đều kỳ thường viết truyện hư cấu, trinh thám, võ hiệp, trong khi Đào Trinh Nhất luôn luôn làm việc với những dữ liệu lịch sử.

Chính vì đặc tính trên ở ngòi bút Đào Trinh Nhất nên chúng ta có thể tin rằng phần lớn những đóng góp của ông được thể hiện trên các cuốn sách đã in ngay lúc sinh thời tác giả. Nếu tập hợp được hầu hết các cuốn sách ấy, nhất là những cuốn biên khảo từ chất liệu lịch sử Việt Nam, thì sưu tập này đã có thể bao hàm những cống hiến chủ yếu của ngòi bút Đào Trinh Nhất.

Tuy vậy, di sản báo chí của Đào Trinh Nhất, cho đến hôm nay, vẫn là một câu đố lớn trước mắt giới nghiên cứu. Chừng nào chưa khai thác để nắm chắc được toàn bộ hoặc một phần chủ yếu của di sản ấy, chừng đó vẫn chưa thể nói các giới nghiên cứu sử học, văn học Việt Nam đã biết đủ về Đào Trinh Nhất, – một nhà báo hàng đầu của báo chí hiện đại Việt Nam, một học giả nghiêm túc có nhiều đóng góp vào loại sớm cho thể tài biên khảo hiện đại, cung cấp dữ liệu, và cả những trải nghiệm cá nhân, về những sự kiện và nhân vật thuộc lịch sử cận hiện đại.

Tôi tin rằng công trình sưu tập này sẽ thúc đẩy các học giả lớp trẻ đi sâu hơn trên hướng tìm lại di sản một ngòi bút lớp trước, nhất là phần di sản còn nằm khuất trong các chõng báo cũ.

Hà Nội, 25/12/2010

Chú thích

[1] Huỳnh Văn Tông: *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*, Tp.HCM.: Nxb. TP.HCM., 2000, tr. 211-212.

[2] ‘*Phụ nữ tân văn*’ bị đóng cửa 5 tháng // *Trung lập*, Sài Gòn, 14/5/1931.

[3] Nhà nghiên cứu Thiện Mộc Lan trong một cuốn biên khảo xuất bản gần đây (*Phụ nữ tân văn, phán son tô điểm sơn hà*, Tp.HCM.: Nxb. Văn hóa Sài Gòn & Cty sách Thời đại, 2010, tr. 134) cho rằng tác giả loạt bài về cuộc đời Phan Văn Trường đăng *PNTV* kể trên, ký V.A. là “cây bút nữ quen thuộc của *PNTV*, tên tộc là Phạm Văn Anh, quê quán Vĩnh Long, từng sang Pháp du học hồi năm 1926”. Không rõ thông tin này căn cứ từ nguồn nào? Nhưng từ lâu, nhà phê bình Thiều Sơn, người từng cộng tác với *Phụ nữ tân văn*, đã khẳng định: “cô Phạm Văn Anh” chính là bút danh của Đào Trinh Nhất (*Bài học Đào Trinh Nhất // Đuốc nhà Nam*, Sài Gòn, 1970).

[4] Xem: Thông Reo: *Quân tử oán tam niên // Những điều nghe thấy // Trung lập*, 30/8/1932; có in trong sách: Phan Khôi, *Tác phẩm đăng báo 1932* /Lại Nguyễn Ân sưu tầm biên soạn/ Hà Nội: Nxb. Tri thức, 2010, tr. 499-500.

“Cô Tư Hồng” của Đào Trinh Nhất như một tiểu thuyết Trần Ngọc Hiếu

Sự hưởng ứng của công chúng thời bấy giờ đối với *Cô Tư Hồng** của Đào Trinh Nhất, bất chấp những giai thoại xung quanh cô chủ yếu được thêu dệt nên bởi những định kiến đạo đức có phần khắc nghiệt, cho thấy sự chuyển biến rất nhanh trong nhận thức của đại chúng, hệ quy chiếu của đạo đức truyền thống, cho dù được bảo đảm bởi những bậc danh nho, đã không còn gây áp lực đối với tầng lớp thị dân mới.

Cô Tư Hồng của Đào Trinh Nhất, Trung Bắc Thư Xã xuất bản lần đầu năm 1941, được tác giả định danh là tiểu thuyết lịch sử. Trước đó, cuốn tiểu thuyết được đăng nhiều kỳ trên báo *Trung Bắc Tân Văn Chủ Nhật*; và theo nhà nghiên cứu Chương Thâu, vào thời điểm ấy: “Truyện viết vừa ra đời đã được hoan nghênh. Người ta nô nức chờ đợi hàng tuần để đón đọc trên báo, liên tiếp từ số trước đến số sau”.



Những thông tin trên gợi mở nhiều điều đáng suy nghĩ về một nhân vật, về một tiểu thuyết lịch sử, về một phần sự thật mà không nhiều người tường tận. Tuy nội dung xoay quanh một bậc nữ lưu có dấu ấn đặc biệt trong lịch sử hồi đầu thế kỷ XX, *Cô Tư Hồng* vẫn không được xếp cùng loại với những cuốn sách viết về Phan Đình Phùng, Lương Ngọc Quyến, Vương An Thạch, Vương Dương Minh... vốn được xem là các khảo cứu và khẳng định tên tuổi của Đào Trinh Nhất như một người viết sử có uy tín, dù trên thực tế, có thể nhận thấy nhiều thủ pháp của tự sự hư cấu được sử dụng một cách tự nhiên ngay trong những tác phẩm lịch sử mà ta vừa nhắc đến. Sự phân biệt giữa “tiểu thuyết” và “lịch sử” ở đây có lẽ chủ yếu dựa vào đối tượng: đối tượng của tiểu thuyết là những hiện tượng, những nhân vật lịch sử bị ngoại biên hóa. Chất liệu để xây dựng một nhân vật của tiểu thuyết lịch sử, do vậy, được khai thác từ nguồn giai thoại: những lời đồn đại, những bí mật được truyền tai, những sự việc được li kì hóa. Tiểu thuyết *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất được xây dựng trên một loạt các giai thoại về người phụ nữ từng khuyñh đảo đất Hà thành. Đào Trinh Nhất liên kết các giai thoại ấy không theo mạch biên niên của lối chép sử thông thường mà bắt đầu từ một lát cắt ở giữa cuộc đời nhân vật, trần thuật theo cách khơi dậy sự tò mò, phán đoán và chờ đợi ở người đọc – một thủ pháp phổ biến của các tiểu thuyết dài kỳ trên báo.

Nhưng phải chăng đây là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sức hấp dẫn của câu chuyện khiến độc giả háo hức đón đọc hàng tuần? Sự hưởng ứng của công chúng thời bấy giờ đối với *Cô Tư Hồng* là một hiện tượng lý thú nếu ta nhớ rằng trước đó không lâu, những giai thoại xung quanh cô chủ yếu được thêu dệt nên bởi những định kiến đạo đức có phần khắc nghiệt. *Cô Tư Hồng* là đối tượng đã kích của nhiều nho sĩ đầu thế kỷ, **trong đó, đặc biệt phải nói tới bài ca trù “Đĩ Cầu Nôm” của Nguyễn Khuyến**. Bài thơ trào phúng sâu cay, với giọng điệu đã kích công khai của cụ Tam nguyên Yên Đổ đã đóng danh Tư Hồng như người phụ nữ tai tiếng nhất đầu thế kỷ XX, một biểu tượng cho sự tha hóa, suy đồi đạo đức của thời đại.

Sau cái chết của cô chừng hai thập niên, việc người đọc nhiệt tình đón nhận *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất nói lên điều gì? Phải chăng là sự cởi mở của công chúng? Nếu như thế, hiện tượng này cho thấy sự chuyển biến rất nhanh trong nhận thức của đại chúng, hệ quy chiếu của đạo đức truyền thống, cho dù được bảo đảm bởi những bậc danh nho, đã không còn gây áp lực đối với tầng lớp thị dân mới. Nhưng cũng có thể ***cô Tư Hồng đã kịp trở thành một huyền thoại***, vượt qua quan điểm của thời đại, của buổi giao thời, thường xem người đàn bà đẹp như một thứ vưu vật, là bình hoa di động, là tác nhân của mọi sự suy đồi xã hội. “Hồng nhan họa thủy” vốn dĩ là suy nghĩ phổ biến trong tư duy về lịch sử của người phương Đông. Song huyền thoại, bất chấp những định kiến nhào nặn nên nó, vẫn luôn chứa đựng những yếu tố li kì, bí ẩn và vì thế thu hút sự tò mò của công chúng.

Đào Trinh Nhất có sử dụng một số yếu tố duy tâm, mê tín để lý giải số phận của cô Tư Hồng, một người phụ nữ liễu lĩnh, đáo đẽ, không vừa vặn với nhãn quan đạo đức đương thời. Không cam phận làm thê thiếp cho ông Chánh tổng Kim Sơn, người phụ nữ ấy trốn nhà, tha hương, lê gót phong trần, *lấy chồng Tàu, rồi lấy quan Tây, và sau lại còn kết hôn với một linh mục phá giới*. Cô Tư Hồng, kể như thế, đã gỡ mình ra khỏi những sợi dây ràng buộc nặng nề nhất của lễ giáo truyền thống, theo đó, người phụ nữ không được quyền chủ động trong hôn nhân. Từ chối việc để cho số phận bị sắp đặt, đã thế lại hơn một lần kết hôn và đều là những cuộc hôn nhân dị chủng, cô Tư Hồng thực sự là một phụ nữ nổi loạn, khó cảm thông, ngay cả với nhiều người không thủ cựu. Trong bối cảnh một diễn ngôn về chủ nghĩa dân tộc được hình thành từ khi Pháp xâm lược Việt Nam và đặt chế độ bảo hộ, người phụ nữ này còn bị xem như thuộc về phía đối lập với cộng đồng, một con người vụ lợi, tính toán khi mở công ty, trúng thầu san phá thành Hà Nội – một biểu tượng cho sự tổn thương của đất nước khi ấy.

Nhưng chính ở đây, Đào Trinh Nhất thể hiện rõ ông viết *Cô Tư Hồng* chủ yếu từ lập trường của một nhà tiểu thuyết chứ không phải từ nhãn quan sử gia. Nhãn quan sử gia thiên về bàn luận công – tội; nhà tiểu thuyết thì luôn cố gắng nhìn con người phức tạp hơn chuyện phán xét công – tội. Phán xét không phải là công việc của tiểu thuyết; tiểu thuyết cố gắng nhìn vào mọi đa đoan trắc trở, vào những éo le, vào nỗi bi ai của thân phận con người để có thể cảm thông hơn. Vì thế, có thể thấy, trong cuốn sách này, thay vì khai triển diễn ngôn quy tội của các giai thoại, câu chuyện về cuộc đời của cô Tư Hồng lại được Đào Trinh Nhất quy thành một tự sự về một kiếp hồng nhan bạc phận. Đó là thứ diễn ngôn khơi gợi nơi người đọc niềm trắc ẩn, cảm thương hơn là sự quy kết. Không phải ngẫu nhiên khi hơn một lần trong tiểu thuyết, ta thấy nhân vật hay người kể chuyện lấy Kiều để nói về cuộc đời. Song nếu vậy, tác giả chỉ biện hộ cho nhân vật của ông bằng một cảm quan rất cũ. *Cô Tư Hồng* thực ra mang tính hiện đại nhiều hơn một câu chuyện về kiếp hồng nhan. Đào Trinh Nhất khắc họa cô Tư Hồng như một người phụ nữ *luôn cố gắng chủ động trong cuộc đời thăng trầm, đẩy những truân chuyên không đoán trước được*. Người phụ nữ ấy luôn phải tự thân xoay sở, chèo chống, tìm cách thích nghi với hoàn cảnh, với tình thế của mình. Bởi lẽ đó, sự thực dụng của bà trong việc mua danh cho cha hay trong việc cạnh tranh buôn bán, nếu chưa thể đồng cảm, thì vẫn có thể hiểu được. Thậm chí, ở đây, ta có thể nhìn thấy hình mẫu của người phụ nữ độc lập, người tự tạo ra những cách ứng xử khác, chưa có tiền lệ. Câu chuyện cô cưới vợ khác cho người chồng gốc Hoa của mình, ở thời điểm này, có thể xem là một cách ứng xử có nghĩa có tình, cho dù ở thời của cô, đó có thể là đề tài đàm tiếu dị nghị chốn Hà thành. Hay việc bà tìm mọi cách làm thất bại mưu đồ của ông chồng từng làm cha xứ muốn chiếm đoạt gia sản của cô trong lúc cô đang mắc bệnh hiểm nghèo cho thấy hình ảnh của một người phụ nữ lý trí, sắc sảo, biết bảo vệ mình và kiên quyết không để người khác lợi dụng. Đó là một mẫu hình phụ nữ thường ít được đề cao trong văn học Việt Nam, nơi ta sẽ bắt gặp nhiều hơn những người đàn bà nhẵn nhụi, chịu đựng và xem đó như là những phẩm chất của nữ tính.

Đọc lại *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất ở thời điểm này, ta cảm nhận được một góc nhìn bình tĩnh, độ lượng hơn về một người phụ nữ mà có lẽ gần một thế kỷ qua đã phải chịu nhiều định kiến. Việc diễn giải lịch sử từ quan điểm của chủ nghĩa dân tộc đã làm mờ đi những lịch sử khác cũng độc đáo và quan trọng không kém, trong đó có lịch sử hiện đại về phụ nữ. Chúng ta đã ghi nhận những tên tuổi anh thư, những văn nghệ sĩ nữ... như là những nhân vật làm nên diện mạo phong phú của lịch sử hiện đại. Cô Tư Hồng khó có thể xem là bạc anh thư hay kỳ nữ gì, người phụ nữ đa đoan, táo bạo này chỉ cố gắng sống một cuộc đời tự quyết, nắm bắt những cơ hội đến với mình. Trong ý nghĩa ấy, câu chuyện của cô Tư Hồng thực ra lại gần với những câu chuyện của nhiều phụ nữ hôm nay. Cuộc đời của cô, đến giờ, vẫn có thể là phép thử về sự độ lượng, khả năng cảm thông và tinh thần giải phóng của xã hội.

Nhà văn nhà báo Đào Trinh Nhất Viên Linh



Đào Trinh Nhất (1900-1951).
(Ảnh của Từ Điển Văn Học, Thế Giới)

Đào Trinh Nhất là một nhà văn nhà báo tài danh mà xấu số, từ trần vì một cơn bạo bệnh hen suyễn năm 1951, giữa lúc chiến tranh Việt Pháp leo thang, mặc dù tang lễ trọng vọng được báo giới văn giới hai miền tổ chức, tường thuật, song tên tuổi và tác phẩm của ông đã không được phổ biến rộng rãi trong quần chúng độc giả, một khi chiến cuộc càng ngày càng lan rộng, rồi chỉ trong vòng vài ba năm, đất nước phân ly, hai miền cách biệt và hủy diệt lẫn nhau, con người thành bùn đất sỏi đá, nửa là sách vở.

Dù ở đời có 52 năm (1900-23 Tháng Hai, 1951), ông đã để lại trên 20 tác phẩm cả sáng tác lẫn dịch thuật, và hàng trăm bài báo trên nhiều báo lớn nhỏ, nhất là trên mấy tờ do ông từng làm chủ bút, từ Sài Gòn ra Hà Nội: Phụ Nữ Tân Văn, Cải Tạo, Thần Chung, Đuốc Nhà Nam, Việt Thanh...

Đào Trinh Nhất là tên thật, con tiến sĩ Đào Nguyên Phổ, bà vợ thuộc dòng dõi Lương Văn Can, Lương Ngọc Quyến những người thành lập Đông Kinh Nghĩa Thực đoàn tạo các thanh niên yêu nước xuất ngoại học hỏi. Ông người làng Thượng Phán huyện Quỳnh Côi tỉnh Thái Bình, giỏi chữ Hán chữ Pháp – nhất là từng đáp tàu buôn qua Pháp 4 năm, từ 1926 tới 1929. Ở tuổi 20 Đào Trinh Nhất đã viết các báo Thực Nghiệp, Hữu Thanh, thời gian ở Pháp viết báo Việt Nam Hồn, liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam ở Paris như Nguyễn Thế Truyền trong nhóm Ngũ Long ở đây. Ngục Trung Thư của Phan Bội Châu là do ông dịch rất sớm sửa khoảng thời gian giữa tuổi hai mươi. Trở về Sài Gòn, Đào Trinh Nhất làm các báo Phụ Nữ Tân Văn, Thần Chung, Đuốc Nhà Nam, từng giữ vai trò chủ bút những tờ báo ông cộng tác, đặc biệt người viết bài này thấy tên ông trên tờ báo Xuân Phụ Nữ Tân Văn năm 1930, rồi lại thấy tên ông trên báo xuân Sài Gòn mấy năm sau. Ông ký rất nhiều bút hiệu, như Hậu Đình (khi làm cho báo Đuốc Nhà Nam của ký giả Nam Đình), Viên Nạp, là tên Nam Việt nói lái, Nam Chúc, khi làm cho Đuốc Nhà Nam.

Các báo miền Nam nhất là báo của các ông Nam Đình, Trần Tấn Quốc (Tiếng Dội), Lê Trung Cang (Tin Điện), và Thần Chung của ông Diệp Văn Kỳ, nổi bật sắc thái chống ngoại bang, chống lại nhà cầm quyền người Pháp. Đào Trinh Nhất cộng tác và có thời gian làm chủ bút cho một số báo tranh đấu. Ông từng bị Pháp trục xuất cấp tốc về Hà Nội không vì lý do gì khác hơn là vì những bài báo của ông. Ông đã là ngọn lửa cùng các đồng nghiệp cùng chí hướng trong những tờ báo này. Không phải nhà biên khảo, người viết bài này nhân viết về tác giả Đào Trinh Nhất, đã làm công việc cưỡi ngựa xem hoa, tìm tài liệu trên sách báo cũ, cho nên chỉ thoáng qua nơi sắc diện, hơn là trong sự việc.

Về các tác phẩm của cây bút xuất chúng bài này đang nói đến, có thể kể: – Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ (Thụy ký – Hà Nội, 1924) – Thần tiên kinh (Dịch của Alan Kardec, 1930) – Nước Nhặt Bồn 30 năm duy tân (Đắc-lập – Huế, 1936) – Cô Tư Hồng (1942) – Kể bán

trời, Con Quỷ Phong Lưu, Bùi Thị Xuân, Lê Văn Khôi (1941-1944) – Việt sử giai thoại (1943) – Vương An Thạch (1943) – Con trời ngã xuống đất đen (1944) – Chu Trần Tinh-Hoa (1944) – Vương Dương Minh (1943-1945)... Theo Vũ Bằng mô tả, Đào Trinh Nhất là một người khép kín, ăn nói chừng mực, có khi đang nói ngưng lại cả năm mươi phút mới lại nói một câu. Trong ký sự 40 năm làm báo, Vũ Bằng lại lấy nhan đề là “bốn mươi năm nói láo,” ta cũng không nên tin ông ta hoàn toàn, cần bớt đi giảm đi mức độ của câu nói, sẽ thấy gần gần sự thật, như là “mặt ông (Đào Trinh Nhất) lúc nào cũng bệch bạc, lạnh lẽo,... làm cho người đối thoại với ông lần đầu ớn ớn nơi xương sống...” tôi nghĩ nhà văn nhà báo Đào Trinh Nhất, do “kiến thức tàng hung trung,” nên khi nói ra, câu nói chính là câu văn, không có những ừ ào vô nghĩa tốn hơi nhảm tiếng. Báo nào ông cộng tác cũng là báo đời sau tàng trữ ở những nơi trang trọng, nếu không phải kinh điển thì cũng là những bài học đáng học, nhất là những trước tác ký tên thật, hay bút hiệu Quán Chi. Thế mà tài viết truyện (sáng tác văn chương) của Đào Trinh Nhất lại ngang ngửa với đệ nhất tiểu thuyết gia hồi ấy:

“Độc giả ‘Trung Bắc Chủ Nhật’ mê Đào Trinh Nhất là vào hồi ông viết tiểu thuyết dài như ‘Cô Tư Hồng,’ ‘Con Quỷ Phong Lưu’... khả dĩ đối địch được lại với những truyện dài của Lê Văn Trương lúc ấy đang làm mưa làm gió trong làng tiểu thuyết và đồng thời cũng là tiểu thuyết gia số một của nhà xuất bản Tân Dân, được ông Vũ Đình Long hết lòng chiều chuộng. Thấy tiểu thuyết của Đào Trinh Nhất được người ta đọc say mê, ông Vũ Đình Long nhờ ông Vũ Ngọc Phan (tác giả bộ Nhà Văn Hiện Đại) điều đình ông viết thêm cho “Tiểu Thuyết Thứ Bảy,” nhưng ông Nhất rất phân minh: ông nhận lời viết cho nhà Tân Dân, nhưng không viết tiểu thuyết, chỉ viết những bài sưu tầm, khảo cứu về văn học, tôn giáo.” (1)

Nhà biên khảo Lại Nguyên Ân nhận định Đào Trinh Nhất đã để lại một “di sản báo chí” quan trọng, nhưng cho tới giờ nó vẫn còn nằm trong các chồng báo cũ, nhưng ông đã dùng mấy chữ để chỉ Đào Trinh Nhất là “một nhà báo hạng đầu của báo chí hiện đại Việt Nam, một học giả nghiêm túc có nhiều đóng góp... cho thể tài biên khảo hiện đại, cung cấp dữ liệu, và cả những trải nghiệm cá nhân về những sự kiện và nhân vật thuộc lịch sử cận hiện đại.” (2)
Xin chấm dứt bài này bằng hai áng văn đưa tiễn Đào Trinh Nhất ngày ông nằm xuống ở Hòa Hưng, Sài Gòn, và được an táng tại nghĩa trang Hòa Hưng sau hôm 18 Tháng Giêng Tân Mão, nhằm ngày 23 Tháng Hai, 1951.

Ngày ông nằm xuống, ở trong Nam (Sài Gòn) thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác có câu đối viếng:
“Đàn Tân Văn nổi tiếng tài danh, ra Bắc vào Nam, giọt máu còn nơi dòng Nghĩa thực. Làng hãn mặc nhiều duyên tri kỷ, vàng rơi ngọc xót, nửa đời giờ tỉnh giấc Liêu trai.”

Còn ở ngoài Bắc, nhà văn Tam Lang Vũ Đình Chí có thơ khóc ông:

Tin về: anh mất buổi Xuân sang
Gang tắc, thương ôi! Mấy dặm đàng
Cán viết tự do treo sợi tóc
Cửa đàn ngôn luận rủ cờ tang
Mất anh, nước mắt trang cao sĩ
Còn nước, anh còn tiếng đại lang
Đồng nghiệp xiết bao tình cảm kích
Khóc anh, đâu phải lệ đôi hàng!
(Tuần báo Cải Tạo, Hà Nội, số 134
ngày 10 Tháng Ba, 1951). (3)

1-Vũ Bằng: “Bốn mươi năm nói láo,” 141-142, Sài Gòn, 1969.

2-Lại Nguyên Ân: “Tìm lại di sản,” Vài nét về Đào Trinh Nhất – nhà báo. Văn Nghệ Xứ Đàoi. Vannghesontay.com.

3-Trần Thái Bình: Nhớ lại nhà báo Đào Trinh Nhất, tạp chí Xưa và Nay Tháng Sáu, 2011.

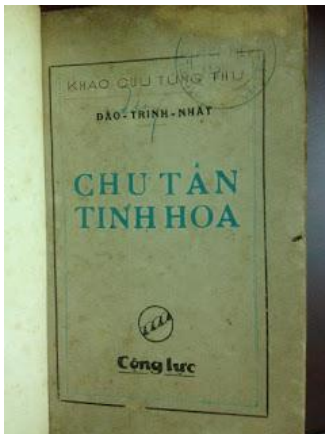
Phụ đính

Đào Trinh Nhất Nhị Linh

Hay là đã đến lúc chúng ta nên bớt tin vào một số danh xưng lưu truyền suốt nhiều năm rồi nhỉ? Bộ tứ "Vĩnh Quỳnh Tố Tố" có đến mức độ như thế không? Khái niệm "bộ tứ" này lại là một cái gì đó vô cùng đặc vị Hà Nội, cái xứ hể một tí lại thấy có "Trường An tứ hổ", mỗi thuyết lại khác nhau, đại khái Nguyễn Bá Lân hổ mà ông thân phụ Nguyễn Công Hoàn lại cũng hổ nốt.

Với tôi, nếu có bốn trí thức trước 1945 thực sự kiệt xuất có thể đặt thành "bộ tứ" (lại bộ tứ, đúng đầu óc Bắc Kỳ Hà Nội :p) thì đó là "Kim Khôi Nhất Hùm" (Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Đào Trinh Nhất và Phan Văn Hùm). Được cái trong này có hùm có hổ luôn đỡ phải phân vân :p Thật ra, sự xuất hiện trở lại của một nhân vật mãnh liệt như Phan Khôi làm đảo lộn rất nhiều thứ, làm thay đổi cái nhìn và cách đánh giá về cả một giai đoạn. Vĩnh Quỳnh Tố Tố đều là danh nhân, nhưng Kim Khôi Nhất Hùm dường như trình bày một hình mẫu trí thức khác hẳn, có thể gọi là một thế hệ mới, tuy rằng Phan Khôi, Trần Trọng Kim còn lớn tuổi hơn Phạm Quỳnh.

Đào Trinh Nhất là một nhân vật kiệt xuất, mà giờ đây ta cần thực sự nhìn nhận tác phẩm và tầm vóc. *Chu Tần tinh hoa*, in trong tủ "Khảo cứu tùng thư" của nhà Cộng lực, 1944:



Một tác phẩm có niên đại rất sớm trong đời Đào Trinh Nhất (1930), đó là một bản dịch:

Thật ra đây là một tác phẩm thần học, nhưng theo một đường hướng vô cùng bí hiểm. Đào Trinh Nhất có đặc điểm là ghét Tàu và bài trừ mê tín. (Phan Khôi cũng có dính dáng hơi tương tự ở công trình dịch Kinh Thánh Tin lành, cộng tác với Cadman)

Việt sử giai thoại bản đầu tiên chiến và bản tái của Tân Việt:



Đào Trinh Nhất đặc biệt quan tâm đến các nhân vật cách mạng cận đại Việt Nam, đây là *Phan Đình Phùng* ấn bản Đại La 1945, không phải ấn bản đầu (đó là bản năm 1936, sau đó nảy sinh bài phê bình của Phan Khôi) và bản tái của Tân Việt:

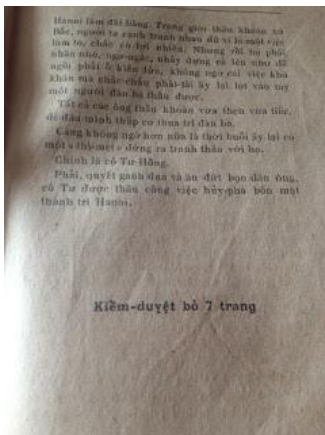
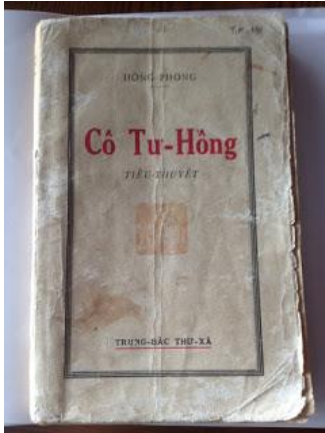


Cùng trong mạch này, Đào Trinh Nhất còn có cuốn *Lương Ngọc Quyến* vô cùng xuất sắc. Đào Trinh Nhất là con trai của Đào Nguyên Phổ, con rể của Lương Ngọc Quyến. Nhờ Đào Trinh Nhất mà hình ảnh Lương Ngọc Quyến còn được lưu lại mạnh mẽ về sau, cũng như Nguyễn Thái Học được nhờ Nhượng Tống về phương diện này.



Ta có thể dễ dàng thấy Đào Trinh Nhất rất quan tâm đến các nhân vật cải cách. Dưới đây là ấn bản Tân Việt của *Vương An Thạch* và *Vương Dương Minh*. Ba trong bốn người thuộc "bộ tứ" Kim Khôi Nhất Hùm từng viết sách về Vương Dương Minh:

Cô Tư Hồng dưới đây là một tác phẩm hết sức đặc biệt của Đào Trinh Nhất. Đào Trinh Nhất ký bút danh Hồng Phong in nó năm 1941 tại Trung Bắc thư xã. Trước đó, cuốn tiểu thuyết lịch sử này đã được đăng nhiều kỳ trên *Trung Bắc Chủ nhật*:



Sách hồi ấy hay bị kiểm duyệt bỏ (rất may là lúc đăng báo thì không sao):

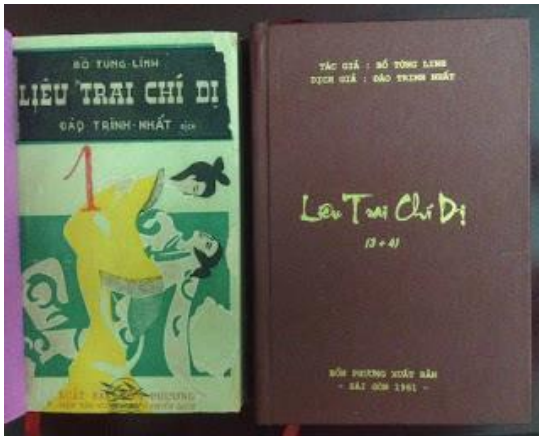
Ta thấy rõ là cái dạng thơ về dạy ngoại ngữ đã phổ biến từ rất lâu, chả có gì là độc đáo. Việt Nam là một giống người rất bồi. Đặc biệt, các nhân vật trong *Cô Tư Hồng* lấy *Kiều* vô cùng ý vị. Ở Việt Nam có nhiều nhà văn chuyên viết tiểu thuyết lịch sử, như Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, Lan Khai. Nhưng với tôi, hai cuốn tiểu thuyết lịch sử xuất sắc nhất là *Tiêu sơn tráng sĩ* của Khải Hưng và *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất. Đây là tính cả đến tận bây giờ, chứ không chỉ thời tiền chiến.

Muốn viết tiểu thuyết một cách đích thực, đầu tiên là phải có một cái nhìn rất riêng. Điều này Đào Trinh Nhất làm được rất xuất chúng, ở mặt này Phan Khôi thua xa: cuốn tiểu thuyết *Trở về lửa ra* của Phan Khôi thực sự là tẻ nhạt.

Xem kỹ các chi tiết có thể biết thêm nhiều điều: dựa vào thông báo dưới đây của nhà xuất bản, ta có thể rút ra kết luận *Cô Tư Hồng* chính là cuốn sách đầu tiên do Trung Bắc thư xã in:

(hình ảnh *Cô Tư Hồng*: courtesy of CFS)

Đào Trinh Nhất dịch thuật: *Liêu trai chí dị* (dưới đây đủ bốn tập), in sau khi Đào Trinh Nhất đã qua đời. Những nhân vật từng hết sức quan trọng trong lịch sử dịch *Liêu Trai chí dị* ở Việt Nam: Tản Đà, Đào Trinh Nhất và Nguyễn Hoặt (thêm một chút Nhượng Tống).



Nhưng còn có một phương diện Đào Trinh Nhất nữa, vô cùng to lớn và khó xác định chính xác. Tôi mới khảo xong một phần bài báo của Đào Trinh Nhất thôi mà đã mệt gần chết rồi. Những trí thức hồi ấy viết báo suốt ngày, nhiều bài vô cùng và động đến mọi đề tài trên đời.



Đây là một số tờ *Mai* năm 1939 do Đào Trinh Nhất làm chủ:

Đào Trinh Nhất ký Đào Trinh Nhất trên *Phụ nữ tân văn* số Tết 1930: Một số *Trung Bắc Chủ nhật* quảng cáo *Cô Tư Hồng* và *Con quỷ phong lưu* của Đào Trinh Nhất:



Đào Trinh Nhất ký Hồng Phong viết *Lê Văn Khôi* đăng dài kỳ trên một số *Trung Bắc Chủ nhật* năm 1943:

Trên cùng số, một kỳ *Cai* của Vũ Bằng; với tôi đây là kiệt tác duy nhất của Vũ Bằng; Vũ Bằng viết nhiều khủng khiếp, nhưng chẳng có cái gì hay:



Đào Trinh Nhất ký Quán Chi trên một số *Trung Bắc tân văn Chủ nhật* năm 1941:



Phan Khôi và Đào Trinh Nhất Nhị Linh

Phan Khôi và Đào Trinh Nhất: hai “cách tồn tại” trong báo chí văn chương Việt Nam trước 1945
 Báo chí Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc ở giai đoạn sung sức nhất của Phan Khôi và Đào Trinh Nhất (với Phan Khôi có thể coi là đoạn từ 1928 đến 1933 còn với Đào Trinh Nhất là lúc ông từ Pháp trở về rồi bắt đầu ở hẳn Sài Gòn cộng tác với nhiều tờ báo, nghĩa là từ 1929 cho đến mấy năm sau đó - ta có thể thấy họ đạt tới độ chín của năng lực làm báo vào cùng một khoảng thời gian; điều này có ý nghĩa rất lớn vì chính ở giai đoạn này Phan Khôi và Đào Trinh Nhất đã cùng nhau giúp tờ *Phụ nữ tân văn* khiến cho nó nhanh chóng trở thành tờ báo quan trọng bậc nhất Việt Nam). Nó đóng vai trò rất lớn trong quá trình đào luyện chữ Quốc ngữ, đấu tranh xã hội, xiển dương, đấu tranh và tạo môi trường ấn hành cho tiểu thuyết và Thơ Mới. Báo chí thực sự trở thành một trung tâm thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội, và không đáng ngạc nhiên lắm khi báo chí dần dà trở thành một thể lực đáng kể[1]. Các nhà báo quan trọng của thời ấy (nếu chỉ tính riêng khu vực Nam Kỳ thì nổi bật “tứ đại làng báo”: Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Diệp Văn Kỳ và Bùi Thế Mỹ, những người làm sôi động làng báo Việt Nam với sự

điều hành cũng như những bài viết trên các tờ báo như *Đông Pháp*, *Thần chung*, *Trung lập*, *Phụ nữ tân văn*); họ được quan tâm và chờ đón hết sức, đến mức tờ *Trung lập* từng phải vội vã công khai thanh minh rằng lời đồn Phan Khôi không còn cộng tác với mình là sai, vì bài viết Phan Khôi rất được độc giả đón đợi, lời đồn đại ông không còn viết cho *Trung lập* nữa rất có thể làm sụt giảm doanh số bán báo[2].

Tập trung hơn vào riêng cặp đôi Phan Khôi và Đào Trinh Nhất, hai người có cùng kiểu gia thế (gốc gác nhà nho), cùng nhanh chóng hướng về Tây học theo cách thức khác nhau, cùng rất sớm bước vào làng báo và ở giai đoạn mà chúng ta quan tâm (cuối thập niên 20 đầu thập niên 30 của thế kỷ XX) lại từng có lúc sát cánh bên nhau tại tờ *Phụ nữ tân văn* của ông bà Nguyễn Đức Nhuận (Đào Trinh Nhất là chủ bút còn Phan Khôi là cây bút quan trọng nhất), có thể phân tích, đi sâu vào một số phương diện quan trọng của báo chí Việt Nam một thuở. Những câu hỏi có thể đặt ra ngay khi mục tiêu nằm ở chỗ nhìn kỹ vào một số đối tượng cá biệt: họ có thể đại diện đến mức độ nào cho diện mạo báo chí một thời với tư cách lớp người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thực sự sống bằng nghề báo? Báo chí Việt Nam khi ấy đã bắt đầu tự thân tách khỏi mô hình báo chí nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước thực dân hay gắn bó mật thiết với người Pháp (*Gia Định báo*, *Lục tỉnh tân văn*, *Đông Dương tạp chí* hay *Nam phong*) và nghề báo đã bắt đầu chuyển từ tay các nhà báo giai đoạn đầu hoặc ở quá sát chính quyền hoặc quá mức “a-ma-tơ” như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh hoặc Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu sang nằm ở trong tay những người có ý thức mạnh mẽ hơn hẳn về sự chuyên nghiệp và độc lập. Giai đoạn cuối thập niên 20 đầu thập niên 30 này, bên cạnh những tờ báo quan trọng của Nam Kỳ cũng đã xuất hiện vai trò tiên phong của tờ *Đông Tây* ngoài Hà Nội với nhân vật chủ chốt là Hoàng Tích Chu[3]. Mô hình thay đổi (báo tự thân thực sự ra đời và tồn tại được) cùng sự xuất hiện và tồn tại mạnh mẽ của một “dạng người” hoàn toàn mới - nhà báo chuyên nghiệp - đã chuẩn bị một cú hích cho thời kỳ trỗi dậy đặc biệt của báo chí Việt Nam vài năm sau đó, mà trước hết là báo chí Hà Nội hồi giữa thập niên 30. Những năm cuối thập niên 20 đầu thập niên 30 này cũng là thời kỳ có sự rèn luyện chữ Quốc ngữ hết sức tích cực, trong đó Phan Khôi đóng một vai trò nổi bật trên các tờ báo.

Nhìn kỹ vào một số nhân vật cụ thể như vậy cũng giúp chúng ta thấy rõ hơn một số khía cạnh khác nữa, chẳng hạn như với tư cách hai nhà báo đặc biệt quan trọng của một thời, lại cùng giúp cho một tờ báo, Phan Khôi và Đào Trinh Nhất có đồng nhất về tư tưởng và có phải là “chiến hữu sát cánh bên nhau” trong sự nghiệp báo chí hay không? Trong những cuộc tranh luận mà Phan Khôi liên tiếp gây ra hoặc tham gia tích cực có sự can thiệp của Đào Trinh Nhất không? Hay sự gần gũi chỉ là bề ngoài, mà mỗi người lại có những quan điểm riêng, con đường riêng, nói tóm gọn là hai “cách tồn tại” khác nhau? Phần dưới đây sẽ cố gắng trả lời ít nhiều cho những câu hỏi ấy.

Sự “giao nhau” giữa Phan Khôi và Đào Trinh Nhất không hẳn nhiều, mặc dù danh xưng “tứ đại làng báo Nam Kỳ” hồi ấy rất dễ cho ta một hình dung nào đó về tính chất nhóm, phái văn chương hay báo chí. Đào Trinh Nhất kém Phan Khôi hơn mười tuổi, cả hai hoạt động rất tích cực ở quãng cuối thập niên 20 đầu thập niên 30 và có vẻ như cùng đạt tới “đỉnh cao sự nghiệp báo chí” vào thời điểm 1935-1936. Lúc ấy, sau nhiều năm làm thuê và viết thuê, cả Phan Khôi lẫn Đào Trinh Nhất đều nghĩ đã đến lúc có thể tự lực cánh sinh, mở tờ báo riêng của mình và tự thân sống chết với một tờ báo do mình làm chủ. Phan Khôi ra tờ *Sông Hương* ở Huế và Đào Trinh Nhất ra tờ *Mai* ở Nam Kỳ.

Cả Phan Khôi và Đào Trinh Nhất, mặc dù là nhà báo kỳ cựu, đều nhằm lẫn: *Sông Hương* và *Mai* không tồn tại được lâu, vị thế và danh tiếng kém xa những tờ báo mà họ từng làm chủ bút hoặc bình bút trước đó. *Sông Hương* khiến cho Phan Khôi gần như khánh kiệt, còn trong khi làm tờ *Mai* Đào Trinh Nhất nhanh chóng gặp rắc rối với chính quyền, sau đó bị trục

xuất ra Bắc vào năm 1939, chấm dứt mười năm tung hoành ở làng báo Nam Kỳ; đây là lần thứ hai Đào Trinh Nhất vướng mắc với chính quyền, nhưng lần trước đó, hồi 1932-1933, ông đã được tòa xử trắng án.

Có vẻ như cả Phan Khôi và Đào Trinh Nhất đều nhằm lẫn ở điểm mấu chốt này: báo chí Việt Nam đã phát triển nhanh hơn họ tưởng, và chính những tiền đề mà bản thân họ góp công lớn tạo dựng nên đã làm nảy sinh một mô hình báo chí văn nghệ mới mẻ mà họ không đủ sức theo kịp nữa. *Sông Hương* hay *Mai* (hay nhìn chung là loạt tạp chí văn chương gắn liền với thế hệ nhà nho cuối cùng như *Văn học tạp chí*, *Đông Thanh*...) đã không sống nổi trước một “ làn sóng mới ” trẻ trung hơn, học thức tiên tiến hơn, hài hước hơn và nhất là “ có tổ chức ” hơn. Đó là thời điểm báo chí văn chương Việt Nam sôi động ở Hà Nội với ba đối thủ đáng gờm: Tự Lực Văn Đoàn, Tân Dân và Lê Cường, ba trung tâm đích thực của báo chí và văn chương trên con đường hiện đại hóa mãnh liệt. Chỉ cách vài năm thôi, lứa Phan Khôi, Đào Trinh Nhất đã không còn giữ được vị trí trung tâm trong thế giới báo chí ở Đông Dương nữa.

Như vậy, nếu nhìn qua, hai nhân vật đang được xét đến ở đây rất tương đồng. Hơn thế nữa, ngoài việc chắc chắn phải có sự nhất trí với nhau một cách ít nhất là tương đối khi ở chung một số tòa soạn, Phan Khôi và Đào Trinh Nhất còn tương tự nhau ở sự chú trọng hành văn và sử dụng tiếng Việt. Có thể nói sơ qua về điểm này (một chủ đề có thể được đi sâu hơn nhiều với các phân tích ngôn ngữ): cả Phan Khôi và Đào Trinh Nhất đều dễ dàng vượt qua lối văn chương rườm rà vẫn còn đọng lại rất đậm nét ở nhiều người cùng thế hệ và cùng kiểu gốc gác. Phan Khôi và Đào Trinh Nhất có văn phong gọn gàng, chẵn chu, từ ngữ tương đối sắc bén, cú pháp hiện đại không gây mệt mỏi lắm cho độc giả ngày nay, tuy rằng cả hai đều không đầy sự súc tích và ngắn gọn của lối văn mình đến như mức Hoàng Tích Chu.

Nhưng nếu nhìn kỹ hơn, dường như tuy ở bên cạnh nhau ở nhiều thời điểm nhưng Phan Khôi và Đào Trinh Nhất không hẳn cùng tâm trạng, không cùng mối quan tâm. Trong vô số cuộc tranh luận mà Phan Khôi từng là trung tâm hoặc có can dự, ta rất ít khi thấy có Đào Trinh Nhất tham gia. Phan Khôi sống bằng luận chiến, còn Đào Trinh Nhất thì không.

Thẳng hoặc ta cũng thấy hai tác giả cùng bàn và đồng ý về một vấn đề, ví dụ như lịch. Trong bài “ Hoàn cảnh với cữ truyền ” đăng trên *Trung lập*, các số 6452, 6453 và 6455 (bài này dường như còn dang dở), Phan Khôi nêu vấn đề: “ Cả năm không hề quen biết gì với âm lịch, rồi đến ngày đầu năm của nó lại thừa dịp mà ăn chơi, như thế chẳng thành ra là sự vô ý thức? [4] ” Đây cũng là bài viết mà Phan Khôi dùng để phê phán nhiều vấn đề lớn hơn. Ông công kích kịch liệt “ phong hóa ”: “ Quốc túy của nước ta là những cái gì? Phong hóa! Phong hóa tức [...] toàn là những cái xiềng xích dùng mà ràng buộc xã hội này (...) chớ có gì đâu mà đáng quý? Dầu cho là đáng quý nữa, mà làm cách nào để duy trì? làm cách nào để bảo tồn? [5] ”, thậm chí cho rằng “ dầu cho đem một mớ cữ truyền đồ xuống sông xuống biển cũng vô hại mà [6] ”. Về phần mình, Đào Trinh Nhất, trên số Xuân của *Phụ nữ tân văn* năm 1930, viết bài “ Phải nên bỏ lịch ta mà theo lịch tây ” từ tr.22 đến tr.25, với mấy luận cứ quan trọng như “ ngày tháng của dương lịch dễ nhớ hơn cữ lịch của ta ” và “ dương lịch định thời tiết không sai ”, lại còn thông dụng trên khắp thế giới.

Khi ta có một “ điểm giao ” cụ thể hơn thì sự lại có vẻ như là giữa hai người không có mấy điểm chung: đó là lúc Phan Khôi viết bài phê bình cuốn sách *Phan Đình Phùng* của Đào Trinh Nhất vào năm 1937 (cuốn sách được ấn hành không lâu trước đó).

Ta có thể ngừng một chút sự so sánh cụ thể giữa Phan Khôi và Đào Trinh Nhất để tập trung vào một vấn đề dường như ít được quan tâm: Phan Khôi tự thể hiện bản thân mình như thế nào? (vấn đề này cũng cần được đặt ra với Đào Trinh Nhất - đây sẽ là đề tài cho một nghiên

cứu sau này). Trả lời được câu hỏi này, ta sẽ hiểu sâu hơn về “cách tồn tại” của một nhân vật đặc biệt trong giới báo chí văn chương suốt một thời - cách tồn tại ấy như thể nói lên một điều, rằng tuy là nhân vật lớn nhưng Phan Khôi không hoàn toàn là một đại diện cho các nhà báo thời ấy, có lẽ vì ông quá đặc biệt.

Tổng lượng bài báo của Phan Khôi ngày nay đã xuất hiện trở lại rất đáng kể (cụ thể là từ năm 1928 đến năm 1937). Vấn đề đặt ra trước mắt là xử lý phần tư liệu khổng lồ này như thế nào. Có vẻ như giới nghiên cứu văn học và lịch sử báo chí Việt Nam hiện nay vẫn còn lúng túng trong công việc ấy; điều này cũng là dễ hiểu vì trước nay các nghiên cứu văn học sử hay dừng ở mức độ miêu tả tính chất báo chí và vai trò của các tờ báo trong tiến trình lịch sử mà không mấy khi đi vào các bài báo cụ thể, mặc dù thật ra các bộ sưu tập tác phẩm báo chí cũng đã xuất hiện khá nhiều (với vai trò tiên phong của linh mục Thanh Lãng, rồi tiếp theo là các bộ sưu tập báo như *Tiên phong, Văn nghệ, Tri tân, Tao đàn...*). Di sản báo chí của Phan Khôi có thể được xử lý theo nhiều hướng, chẳng hạn phân loại theo chủ đề hoặc theo dõi tỉ mỉ tiến trình phát triển và thay đổi của tư tưởng Phan Khôi theo thời gian, hoặc sự can dự của Phan Khôi vào các cuộc tranh luận lớn, mức độ ảnh hưởng của Phan Khôi lên dư luận đương thời.

Trong phạm vi bài viết này, được quan tâm là những gì Phan Khôi viết về bản thân ông trong các bài báo. Ở nhiều chỗ, con người nhà báo Phan Khôi và con người luận chiến Phan Khôi đôi chút có sự nhường chỗ cho con người tự sự Phan Khôi. Những điểm nhỏ này hé lộ cho chúng ta thấy thấp thoáng cách ông tự nghĩ về mình, tự định vị mình. Vốn dĩ “trọng lý” hơn “trọng tình”[7], Phan Khôi chưa bao giờ là người thích tâm sự, nhất lại là tâm sự công khai trên báo. Nhưng cuộc đời làm báo rất dài và khối lượng bài báo rất lớn cũng không phải không có những lúc như thể làm Phan Khôi bộc lộ mình nhiều hơn bên ngoài lý lẽ và các vấn đề, chủ đề được ông mang ra phân tích.

Con người Phan Khôi, ngoài những điều hiển nhiên và đã được nói quá nhiều như “người Quảng Nam hay cãi” và sự bướng bỉnh, thích gây hấn nhưng lại hết sức công bằng, hiện lên tinh tế hơn trong một số câu văn như vô tình rơi rớt trong các bài báo của ông.

Năm 1932, viết bài “Cái biết của ta phải cho thiết thực, cho tới nơi tới chốn” đăng trên tờ *Đông Tây* số 143, Phan Khôi viết: “Tôi tự phạt tôi cũng như là một người thất học từ thuở nhỏ. Nói vậy chắc không ai tin. Thuở nhỏ, tôi học nhiều lắm chứ. Song ngày nay tôi biết ra thì từ lúc sáu tuổi cho đến trên 20 tuổi, cái học của tôi chỉ là thuộc được nhiều mặt chữ mà thôi; chữ về sự tri thức cần cho một con người ở đời phải có, thì cái học ấy hầu như chẳng làm ích cho tôi được chút gì[8]”. Ông ngao ngán: “Già nửa đời người rồi, đôi khi tôi mới nằm nghĩ lại mà chẳng biết hồi thanh niên mình học là học cái gì! Học cái gì mà cũng đã từng được tiếng đồn khen, cũng đã từng liệt vào hàng danh sĩ?[9]” và cay đắng: “Mà có lẽ từ nay sắp sau, cũng còn chưa chắc rằng tôi biết chữ đâu, dầu học mãi cho mãi cái đời tôi[10]”. Kết lại cuối bài, ông chỉ ra cần phải làm gì, đây là phương châm, nguyên tắc cả đời Phan Khôi: “Theo như tôi nói từ nãy đến giờ, thì là phải làm thế nào cho sự tri thức của ta được thiết thực, được tới nơi tới chốn[11]”.

Trong một bài viết rất nặng lời năm 1932, “Tôi thất vọng về ông Nguyễn Tiến Lãng” đăng *Đông Tây* số 161, Phan Khôi nói về mình: “Một đời tôi, như đọc giả biết, không khi nào lên mặt đạo đức hết[12]”. Ở đây, rõ hơn hết so với những chỗ khác, Phan Khôi khẳng định rằng với ông, sự ngay thật là điều quý giá hơn cả, và trong mắt ông, Nguyễn Tiến Lãng không ngay thật, như vậy phạm vào thói “gian vu”. Đồng thời, cùng trong bài này, ông nói đến một thói quen của mình: “Làm văn mà cứ hay nhắc đi nhắc lại những bài cũ của mình, thật là một thói đáng ghét, là một điều cấm kỵ cho người viết văn[13]”.

Rồi đôi lúc có những thô lỗ nhỏ, “lặt vặt” hơn: “Tôi không phải là người viết được tiểu thuyết, nhưng tôi hay đọc tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết đương thời đây[14]” hay: “Bất kỳ văn của ai đồng thời với tôi đây, tôi đều lấy tinh tâm mà đọc, không dám bỏ qua một người nào hết[15]”.

Trong bài “Sự lập thân của thanh niên nam nữ đời nay” đăng trên *Phụ nữ tân văn* số 87, năm 1931, Phan Khôi có những giải bày rất cá nhân: “Tôi chẳng biết ở đời như tôi là người thiện hay người ác[16]”; “Nhưng nói thật, tôi yêu mình tôi, tôi còn yêu sự thiệt hơn nữa. Tôi yêu sự thiệt lại còn hơn yêu danh dự của tôi[17]”; đặc biệt ông thể hiện sự hài lòng rõ rệt của mình khi sống vào lúc này, nghĩa là trong thực tại, bởi vì, “Một người đàn ông thời nay không cần nhờ có nhà nước dùng mới lập nên công nghiệp, cũng như một người đàn bà thời nay không cần phải lấy chồng quan mới có địa vị danh tiếng ở đời[18]”. Ông còn hào hứng đến mức hạ câu sau đây: “Hạnh phúc thay là kẻ sanh ra ở đời này! Hạnh phúc thay là kẻ thanh niên nam nữ sanh ra trong nước Việt Nam về thời đại này! Cái hạnh phúc ở trong sự mình làm chủ lấy mình, mình muốn làm nên người bực nào tùy ý[19]”. Không nhiều khi Phan Khôi thể hiện cảm xúc của mình như thế này. Có lẽ ông chỉ như vậy khi đề tài bài viết động đến cùng một lúc nhiều đặc điểm quan trọng của con người ông: coi trọng thực tại, trọng sự thật, trọng luận lý, trọng chủ nghĩa cá nhân và đả phá quá khứ.

Điều rất nổi bật ở con người Phan Khôi là ý thức trách nhiệm của ông. Bài “Thanh niên với tổ quốc” đăng *Phụ nữ tân văn* số 172, năm 1932 có đoạn: “Sanh ra làm người trong xã hội, ai cũng có một phần trách nhiệm đối với xã hội hết, mà những người có học thức cao chừng nào, lại càng có trách nhiệm nặng chừng ấy[20]”. Còn đây là ý thức trách nhiệm của Phan Khôi trong công việc làm báo: “Chúng tôi nhận định cái cách làm báo của chúng tôi: Một là không a dua với xã hội, cho nên gặp điều gì sai lầm, chúng tôi không tị hiềm gì hết mà cứ việc chữa sửa; một là phải đi trước xã hội, cho nên chúng tôi tùy theo sức lực của mình mà mỗi ngày mỗi cống hiến thêm những cái mới cái lạ cho bà con[21]” (*Phụ nữ tân văn* số 125, 1932).

“Con người nhà báo” của Phan Khôi là một vấn đề quan yếu đối với chủ đề đang bàn ở đây. Thực chất thì Phan Khôi tự định vị như thế nào trong giới báo chí Việt Nam hồi ấy, ông thực sự coi mình đứng ở đâu?

Ở bài “Một vài ngu kiến ngộ cùng hội báo giới quốc văn sắp lập” đăng trên tờ *Trung lập* số 6361 năm 1931, mở đầu Phan Khôi đã tự tách biệt mình khỏi một cộng đồng chung: “tôi tuy là nhà làm báo mà đối với các anh em khác thì có chỗ quyền lợi không giống nhau[22]”. Và ông tự gọi mình là người “viết báo dạo”: “đồng thị là nhà làm báo mà có nhiều hạng người. Ngoài các ông “rédacteur” mỗi ngày đi làm hai buổi ra, còn có người “viết báo dạo” (như tôi)[23]”.

Tuy nhận mình “không phải là người viết được tiểu thuyết” nhưng rồi sau này Phan Khôi cũng sẽ viết cuốn *Trở vỏ lừa ra* đăng *Phổ thông bán nguyệt san* trong một chuyến ra Bắc không nhiều vui vẻ. Cũng vậy, tuy từng công khai nhận mình “viết báo dạo” để mà từ chối tham gia hội nhóm cùng những người khác, nhưng sau này Phan Khôi sẽ trở thành ông chủ của một tờ báo, *Sông Hương*.

Mọi điều liên quan đến Phan Khôi, từ trước tác cho đến tâm tình, chúng ta đều cần tìm kiếm trong các bài báo của ông.

Ở đâu đó, Phan Khôi từng đặt câu hỏi vào thời của ông thì cần phá đi hay xây dựng, sau đó ông cho rằng phá đi quan trọng hơn. Chính vì vậy, ông đã hết sức kiên định trong những công trình đả phá của mình. Ở đây, óc logic và khả năng phân tích vượt trội so với đa số người đương thời đã giúp Phan Khôi rất nhiều. Phan Khôi nhìn ra rất nhiều vấn đề trong ngay cả những việc tưởng chừng đã có sự tồn tại sẵn.

Và chính ở đây ta bắt đầu thấy rõ Phan Khôi thực sự rất khác với Đào Trinh Nhất. Cả hai đều từng phê phán, nhưng cái khác biệt là mức độ: Phan Khôi lúc nào cũng đẩy sự phê phán của mình lên đến cực điểm, kể cả những lúc dường như không cần phải như thế. Cả hai, với gia thế và sở học cùng một dạng, đều từng dõi nhìn về quá khứ, nhưng tư thế Phan Khôi và Đào Trinh Nhất rất khác nhau: Phan Khôi chỉ nhìn quá khứ khi cần bàn về hiện tại, vì Phan Khôi thực sự ở trong hiện tại. Phan Khôi không bao giờ làm một công việc mà Đào Trinh Nhất thường xuyên làm - cũng là một việc rất đặc trưng của nghề báo - là đi tìm gặp các chứng nhân lịch sử rồi từ đó viết khảo cứu; đọc kỹ cả hai người, ta sẽ thấy thật khó tưởng tượng Phan Khôi có thể viết một cuốn sách về Phan Đình Phùng hay Lương Ngọc Quyến, giống như Đào Trinh Nhất. Ở đây có thể đưa ra một suy đoán: Đào Trinh Nhất, mặc dù từng ra nước ngoài, vẫn còn nhiều liên hệ tình cảm với truyền thống Nho giáo và những mối quan hệ trong thế giới Nho giáo. Là con trai Đào Nguyên Phổ, hồi nhỏ Đào Trinh Nhất theo học Đông Kinh Nghĩa Thục (một thời gian ngắn), sau này, giống như đề “trả nghĩa”, Đào Trinh Nhất đã viết khảo cứu về Lương Ngọc Quyến cũng như về Đông Kinh Nghĩa Thục. Phan Khôi không phải không từng có những mối quan hệ kiểu như vậy, ví dụ như với Trần Quý Cáp, nhưng rõ ràng Phan Khôi không có một tâm thế hồi tưởng quá vãng giống như Đào Trinh Nhất. Có vẻ như ý thức vùng thoát khỏi môi trường gốc gác của mình ở Phan Khôi vô cùng mạnh mẽ. Đây là một điểm không hề nhỏ. Nghiên cứu về Phan Khôi, ta có thể tìm hiểu những gì ông đã viết, nhưng hoàn toàn cũng có thể đặt câu hỏi về những gì lẽ ra ông có thể viết nhưng đã không viết.

Phan Khôi là một nhân vật rất hiếm trong lịch sử trí thức Việt Nam đặc biệt ít hồi tưởng.

Cuối cùng, trong sự so sánh giữa Phan Khôi và Đào Trinh Nhất, có thể thấy nổi lên một đặc điểm trình bày dưới đây, nó cho thấy Phan Khôi và Đào Trinh Nhất, xét về sâu xa, có quan niệm hết sức khác nhau, để có thể thấy có một “con đường Đào Trinh Nhất” và một “con đường Phan Khôi”, hay hai cách tồn tại độc lập rất không giống nhau.

Tuy đều là các nhân vật hết sức quan trọng của báo chí Việt Nam trong cùng một giai đoạn, nhưng sự “ở trong báo chí” của Phan Khôi rõ rệt, ở mức độ cao hơn nhiều so với Đào Trinh Nhất. Tổng lượng bài báo của Đào Trinh Nhất có lẽ không kém mấy so với tổng lượng bài báo của Phan Khôi, nhưng trong đó phần đáng kể nhất là những loạt bài dài kỳ mà ta có thể thấy rõ là ngay từ đầu đã có ý đồ dành để in thành sách[24]. Tác phẩm sách của Đào Trinh Nhất tuyệt đại đa số được lấy ra từ những bài báo. Đào Trinh Nhất có thể đăng nhiều kỳ *Cái án Cao Đài* trên tờ *Công luận* rồi sau đó in thành sách, rồi có rất nhiều ví dụ như thế nữa, ngay cả bản dịch *Liêu trai chí dị*. Có thể nói rằng, Đào Trinh Nhất thuộc một kiểu trí thức ở giữa “văn hóa sách” và “văn hóa báo chí”, với một nhận thức rõ ràng về trước tác dưới dạng sách. Báo chí đối với Đào Trinh Nhất hẳn nhiên rất quan trọng, nhưng ở một mức độ nào đó, đối với ông báo chí giống như một bước đệm để ông đi tới sự nghiệp trừ tác riêng của mình, thể hiện ở danh mục sách đã xuất bản vô cùng dồi dào[25].

Phan Khôi hoàn toàn khác. Nếu không có lần quyết định sở hữu riêng một tờ báo (*Sông Hương*) thì chắc hẳn những bài “thi thoại” của ông sẽ vẫn chỉ nằm chủ yếu trong mục “Nam Âm thi thoại” của một số tờ báo chứ không trở thành cuốn sách *Chương Dân thi thoại* vào năm 1936, và mấy năm sau đó, nếu như sự nghiệp báo chí của Phan Khôi không gặp một ít trắc trở thì rất có thể ta đã không có cuốn tiểu thuyết *Trở vờ lừa ra*. Ngay trong dịch thuật, Phan Khôi cũng luôn luôn bỏ dở các bản dịch. Dường như ông chỉ dịch khi nào tờ báo ông làm bình bút cần có bài vở, thế cho nên tuy có dịch sách nhưng trước 1945 Phan Khôi không phải một dịch giả: ta có vài tác *Tùy Viên thi thoại*, một ít *Bá tước Monte Cristo* của Alexandre Dumas mà Phan Khôi đăng trên tờ *Đông Pháp* vào năm 1928 dưới nhan đề *Thầy trò trong khám* và một chút *Sử ký Tư Mã Thiên* hồi 1932 đăng trên *Trung lập* và *Phụ nữ tân văn*[26], chứ không có tác phẩm

dịch hoàn chỉnh ký tên Phan Khôi nào. Có vẻ như Phan Khôi sẵn sàng dành toàn bộ cuộc đời viết lách của mình cho những tờ báo, không hề quan tâm đến việc in các bài báo của mình thành sách. Ông thực sự là một “nhà báo toàn tòng”, và đó cũng chính là lý do quan trọng khiến trước tác của Phan Khôi sau này không nổi bật, người ta ít biết rằng một ngòi bút vô cùng dồi dào và mạnh mẽ từng tồn tại. Văn hóa Việt Nam, dẫu cho đã có một lịch sử báo chí kéo dài chừng một thế kỷ rưỡi, vẫn là một nền văn hóa thiên hẳn về sách và thường xuyên bỏ quên đi sản báo chí đồ sộ.

[1] Một ví dụ nhỏ: trên số 55 ra ngày 5/6/1930, tờ *Phụ nữ tân văn* thông báo tổ chức “Cuộc thi kỷ niệm đệ nhứt châu niên của PNTV” với ba câu hỏi cho độc giả, câu hỏi thứ ba như sau: “Nếu có cuộc tuyển cử 10 vị Việt Nam Nhơn dân Đại biểu, mà những vị kể tên sau này ra ứng cử, thì quý độc giả sẽ cử những vị nào”. Danh sách do báo đưa ra như sau: 1. Nguyễn Hữu Bài (Thủ tướng Nam triều) 2. Bạch Thái Bưởi (Chủ hãng tàu và mỏ than) 3. Bùi Quang Chiêu (Lãnh tụ đảng Lập hiến) 4. Vương Tứ Đại (Thượng thư Lễ bộ) 5. Dương Văn Giáo (Trạng sư) 6. Huỳnh Thúc Kháng (Chủ báo *Tiếng Dân*) 7. Trần Trọng Kim (Thanh tra sơ học) 8. Diệp Văn Kỳ (Nhà làm báo) 9. Lưu Văn Lang (Kỹ sư sở Tạo tác) 10. Nguyễn Phan Long (Chủ báo *Đuốc Nhà Nam*) 11. Lê Quang Liêm (Hội đồng Quản hạt) 12. Hoàng Trọng Phu (Tổng đốc Hà Đông) 13. Phạm Quỳnh (Chủ báo *Nam Phong*) 14. Nguyễn Hữu Thu (Phó Nghị trưởng Kinh tế Hội nghị) 15. Nguyễn Trác (Nghị trưởng Nhơn dân Đại biểu viện Trung Kỳ) 16. Nguyễn Bá Trác (Bố chánh tỉnh Bình Định) 17. Trần Trinh Trạch (Điền chủ ở Bạc Liêu) 18. Lê Quang Trinh (Y khoa Tấn sĩ) 19. Phan Văn Trường (Luật khoa Tấn sĩ) 20. Nguyễn Văn Vĩnh (Chủ báo *Trung Bắc Tân văn*). Ta thấy khoảng một nửa trong danh sách này gắn bó mật thiết với báo chí đương thời, theo nhiều cách khác nhau.

[2] Hoặc có thể trích lời độc giả Tích Hàm (Tân Dương, Sa Đéc) trong bài “Cảm tình của một độc giả đối với *Trung lập*” (*Trung lập*, 25/3/1931): “Lúc còn *Phụ nữ*, ông Phan Khôi có hứa sẽ lần lần dẫn dắt chúng tôi đi vào đường “luận lý học”, “phép làm văn”, nay *Phụ nữ* bất hạnh, xin ông Tú mượn tờ *Trung lập* ngày nay mà giữ cho tròn lời hứa. Người ta đã tặng cho ông cái huy hiệu “người lập dị”, “người trọng chân lý hơn thầy”, “tướng tiên phong của đạo bình học giới nước nhà”, xin ông chớ phụ”. (*Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1931*, tr.10). Các trích dẫn bài báo của Phan Khôi được rút từ bộ *Phan Khôi tác phẩm đăng báo từ 1928 đến 1937* do Lại Nguyên Ân biên soạn, ấn hành từ 2003 đến 2014.

[3] Nhóm xung quanh được gọi là “tập đoàn Hoàng Tích Chu” trong *Mấy chàng trai thế hệ trước* của Trúc Sơn Dương Thiệu Thanh, Sài Gòn, 1969. Phan Khôi, vốn dĩ không bỏ qua vấn đề quan trọng nào trong xã hội thời ông sống, cũng từng nhận xét tỉ mỉ về “lối văn Hoàng Tích Chu”: “Đối với lối văn ấy, tôi nửa phần thì tán đồng, nửa phần thì bất mãn. Tán đồng ở cái chỗ bố cục khá mới, đặt câu khá gọn, nhứt là có nhiều khi hiểu được cái ý của tác giả ở bên ngoài lời văn. Nhưng lối văn Hoàng Tích Chu không phải toàn được như vậy hết đâu; lắm khi lại thấy như là tạp nhạp, lắm khi lại thấy như là vô duyên; còn một điều dễ tức mình nhứt là lắm khi không rõ, đọc xong một bài mà chẳng biết nói chuyện chi: ấy đó là những chỗ tôi lấy làm bất mãn” trong bài “Văn nghị luận phải viết thế nào?” đăng *Trung lập* số 6491, *Phụ trương văn chương* số 12 (trích từ *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1931*, tr.299).

[4] *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1931*, tr.72.

[5] Nt., tr.68.

[6] Nt., tr.69.

[7] Ta có nhiều ví dụ, chẳng hạn nhan đề bài báo này của Phan Khôi: “Trong việc chánh trị, chỉ có lý mà thôi, chẳng có tình” (*Trung lập* số 6616); khi bàn về việc lập hội của giới nhà báo: “Trong sự lập hội lập hệ, là sự hệ trọng, có trình Chánh phủ, có đặt chương trình, thì ta nên cứ lý mà nói, chớ không nên vị tình. Cái tình đồng nghiệp đã cố nhiên rồi, mà đã họp nhau thành hội, lập chương trình ra thì bản chương trình ấy tức là tờ giao kèo, phải cho ráo lý, không nên vị tình, vị tình thì hỏng” trong bài “Một vài ngu kiến ngỏ cùng hội báo giới quốc văn sắp lập” đăng trên tờ *Trung lập* số 6361, *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1931*, tr.18.

[8] Phan Khôi tác phẩm *đăng báo* 1932, tr.56.

[9] Nt.

[10] Nt.

[11] Nt., tr.57.

[12] Nt., tr.109.

[13] Nt.

[14] Trong bài “Tiểu thuyết thế nào là hay?” (*Trung lập* 6509, *Phụ trương văn chương* 15), trích từ *Phan Khôi tác phẩm đăng báo* 1931, tr.320.

[15] Trong bài “Văn nghị luận phải viết thế nào?” (*Trung lập* 6491, *Phụ trương văn chương* 12), Nt., tr.299.

[16] Nt., tr.90.

[17] Nt., tr.91.

[18] Nt., tr.92.

[19] Nt., tr.93.

[20] *Phan Khôi tác phẩm đăng báo* 1932, tr.172-173.

[21] Nt., tr.99-100.

[22] 1931, tr.18.

[23] Nt., tr.19.

[24] Cho tới nay, vấn đề sưu tầm và nghiên cứu bài báo của Đào Trinh Nhất còn chưa được đặt ra và thực hiện, tuy đã có chuyên khảo Nguyễn Q. Thắng, *Đào Trinh Nhất, nhà văn, nhà báo bực thầy*, NXB Văn học, 2010 và bộ tác phẩm do cùng nhà biên soạn thực hiện, hay *Đào Trinh Nhất - Tuyển tập tác phẩm*, Chương Thuần và Đào Duy Mẫn sưu tầm và biên soạn, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây và NXB Lao động, 2011, trong đó in lại 11 tác phẩm của Đào Trinh Nhất. Theo một nhà sưu tầm báo chí, tổng lượng bài báo của Đào Trinh Nhất có thể lên đến trên 3000, tức là nếu so với Phan Khôi thì cũng không thua sút nhiều, nhưng tổng lượng bài ấy có đặc điểm là chỉ chưa tới một phần ba năm ngoài nhóm các bài báo dài kỳ sau này sẽ được Đào Trinh Nhất cho in thành sách. Đào Trinh Nhất đăng đặc biệt nhiều bài trên *Đuốc Nhà Nam*, *Điện tín*, *Trung Bắc Chủ nhật*, không nhiều lắm trên *Phụ nữ tân văn*, ông cho đăng dài kỳ tác phẩm *Cái án Cao Đài* trên tờ *Công luận*, đăng dài kỳ bản dịch *Liêu trai chí dị* trên tờ *Tin văn*; ta cũng có thể tìm được các bài viết của Đào Trinh Nhất trên: *Hữu thanh*, *Thần chung*, *Trung hòa* và cả *Ích hữu*, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, v.v... (các thông tin liên quan đến tác phẩm báo chí của Đào Trinh Nhất ở ghi chú này mới có mức độ chính xác tương đối; ta cũng mới có rất ít thông tin xác thực về quá trình Đào Trinh Nhất làm báo ở Hà Nội, nhất là giai đoạn chủ bút tờ *Cải tạo*, ngay trước khi ông vào Nam năm 1949)

[25] Cho đến nay danh mục phổ biến về sách của Đào Trinh Nhất (có thể chưa hoàn toàn đầy đủ) như sau: *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* (1924); *Cái án Cao Đài* (1929); *Nhật Bản duy tân 30 năm* (1936); *Phan Đình Phùng. Nhà lãnh đạo 10 năm kháng chiến (1884-1895) ở Nghệ Tĩnh* (1936); *Việt Nam Tây thuộc sử* (1937); *Đông Kinh Nghĩa Thục* (1937); *Cô Tư Hồng*(1941); *Con quỷ phong lưu* (1942); *Việt sử giai thoại* (1943); *Vương An Thạch* (1943); *Vương Dương Minh* (1943); *Con trời ngã xuống đất đen* (1944); *Chu Tần tinh hoa* (1944); *Lê Văn Khôi*(1944); *Bùi Thị Xuân* (1944); *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917* (1946); ngoài ra còn có một số bản dịch.

[26] Ngay ở bản dịch *Sử ký Tư Mã Thiên* ta cũng thấy được ý hướng phụng sự báo chí của Phan Khôi: ông chọn dịch phần về các thích khách, dĩ nhiên là phần dễ hấp dẫn độc giả báo nhất.

Phụ đính II

Cái giống khinh người

Tuy người Trung Quốc với người Việt Nam vẫn có chỗ quan hệ mật thiết về chủng tộc, về văn hóa và ngày nay có mật thiết quan hệ về mặt kinh tế mặc lòng; tuy là tôi có cảm tình với nhiều học sanh Tàu hồi còn ở Paris (có mấy người hiện nay làm chức lớn ở Nam Kinh) và ở Saigon đây tôi có nhiều bạn Hoa kiều mà chúng tôi thương yêu kính trọng nhau mặc lòng; nhưng mỗi khi có dịp, tôi không thể nào không than phiền cái cử chỉ khinh người của bà con nòi giống họ.

Dầu nói ra mà họ có giận tôi cũng cam lòng.

Ai cũng biết thuở xưa người Tàu tự xưng là thiên triều, là trung quốc, là hoa hạ, có những nước những người ở đâu khác, họ cũng coi là man di nhưng địch hết thầy. Đời xưa họ còn hùng cường, chẳng nói làm chi: đến đời nay họ thua sút thiên hạ muôn vàn, thế mà cái thói khinh người vẫn không chừa bỏ. Với ai, họ cũng gọi là *quây* hay *chầy*; hai tiếng đó tỏ ý khinh khi dữ lắm.

Huê kiều ở đây nương nhờ đất nước ta, đáng lý phải tưởng tình chủng tộc và văn hóa mà đãi ta bình đẳng, thân ái với ta mới phải. Nhưng mà không! Họ biệt lập riêng ra một xã hội; bất cứ chỗ ngồi miếng ăn, cho tới con đĩ, họ cũng cố ý đặt bày phân biệt họ với người bản xứ ra.

Mấy con đào hát và ăn đêm của họ, họ cấm tiếp rước người Annam. Con gái mình, cô nào đẹp nhứt thì họ thả tiền bạc ra lấy cho bằng được, để ra con cái đều theo quốc tịch của cha, rồi khi họ về Tàu, phần nhiều bỏ vợ con ở lại đất nước này bơ vợ nghèo khổ. Tôi nghĩ theo phép lịch sự, ở đời với nhau phải có vay có trả mới được, dầu cho là ái tình nhan sắc cũng vậy.

Đầu này con gái của họ đẻ ra, ngay mấy đứa có phân nửa máu Annam ở trong huyết mạch, họ nhứt thiết cấm sự hôn nhân phối ngẫu với người Annam. Tuồng gì hoa thái hương thừa, là mấy con “phi phi chầy” kia cũng không cho đám con cháu Hồng Bàng Lạc Long này rớ tới. Tôi có mấy người bạn qua làm việc ở Thượng Hải, lấy đàn bà Tàu có đẻ con, rồi dắt nhau về đây, bị đồng bào của chị ta chê cười nọ kia, và họ vận động sao không biết, chị ta phải dắt con trở về Tàu mất, làm anh chồng tức quá, muốn đập đầu tự vận mấy lần.

Thương yêu Trung Quốc, kính trọng Huê kiều tôi để một bên lòng, chớ cái tánh của họ khinh khi người ta và quá phân biệt chủng tộc như thế, tôi không thể nào chịu nổi.

Tuồng là trên đời có một giống dân Tàu có máu khinh người vậy thôi, không dè bây giờ lại nảy ra có bọn Hách-lê bên Đức cũng vậy.

Từ ngày bọn Hách-lê lên cầm quyền Đức quốc, tuy có một vài cái chánh sách và thủ đoạn đáng khen mặc lòng, nhưng đến việc họ hành hạ khi rẻ giống người Do Thái, thì dư luận khắp thế giới đều phải bất bình. Họ làm cho dân Do Thái trong nước Đức phải bỏ nước mà trốn đi; ai lỡ kết hôn với đàn bà Do Thái thì nay phải bỏ.

Tin bữa kia nói ở một tỉnh kia bên Đức có một anh chồng kia tự ra tòa án xin đồ vợ, bởi chị vợ này có máu Do Thái. Anh ta cho việc hôn nhân của mình là việc sai lầm bấy lâu, có phạm tới cái tôn chỉ nòi giống trong sạch. Tòa án cho anh ta ly dị liền, và lại nói trong án rằng: “Việc kết hôn ấy khốn nạn và trái với luật tạo hóa”.

Độc giả thử coi họ khinh khi người Do Thái đến nước như vậy có đáng ghét hay không? Sự thiệt, phần nhiều những cái óc khôn tài lớn ở đời này, về chánh trị học thuật, mỹ nghệ, lý tài v.v... đều là người Do Thái cả, ai mà không thấy sự đó! Giống dân ấy có phải là giống dân đáng khi đâu.

Huống chi trong đời, không ai nên khi rẻ ai, trái lại phải thân yêu quý trọng lẫn nhau thì mới trông sự yên ổn hòa bình cho được. Nhứt là Huê kiều với người mình cần phải giao thiệp nương dựa nhau, mà họ đối đãi với mình như mấy chuyện trên kia, thật tôi buồn lắm.

Nam Chúc

Làm báo với tây

Người tây đang bảo hộ khai hóa ta, thì cái sự ta làm việc dưới quyền người tây, là một sự rất tự nhiên, mà cũng là một sự bắt buộc vì cảnh ngộ, vì sanh kế, tưởng không còn lạ gì mà phải nói nữa.

Làm việc với tây, có lương bổng nhứt định, có giờ khắc hẳn hoi, cái cảnh “người đi mần việc” đời nay, thế mà sung sướng; chớ không như xưa, quanh năm suốt tháng không có ngày nào là ngày nghỉ ngơi, mà số lương bổng chỉ được một vài thúng gạo với năm ba quan tiền là tốt. Hèn chi nhà cựu học Trần Kế Xương đã phải tiếc mình lớn tuổi rồi không đi học chữ tây được nữa để làm việc tây cho sướng, mà phải phát ra hai câu ngỏ ý than tiếc:

Chi bằng đi học làm thông ký
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò

Tuy vậy cùng là bọn đi làm việc tây, nhưng trong anh em ta cũng có sự may rủi hơn thua: có người được địa vị cao lương bổng nhiều, có người địa vị thấp lương bổng ít, cũng như người nầy gặp việc sung sướng thảnh thơi, người kia nhằm chỗ nặng nề cực nhọc, không phải ai cũng như nhau.

Nếu có ai hỏi tôi:

- Đi làm công cho tây mà làm việc gì sung sướng hơn hết?

Tôi xin trả lời tức thì, không ngập ngừng chút nào:

- Thừa, làm báo quốc ngữ với ông chủ Tây.

Thiệt, đi làm việc tây mà được làm báo chữ quốc ngữ với ông chủ tây thì sung sướng nhứt hạng trên đời, ai có tu mấy kiếp rồi thì trời Phật mới để cho vào chỗ đó.

Sao vậy?

Có lẽ gì khác hơn là ông chủ tây mở báo quốc ngữ, mà ông không biết nửa tiếng Annam, không biết đọc chữ quốc ngữ, thế thì mặc sức mình vẽ rồng vẽ rắn, tha hồ mình nói chuột nói dơi, ông chủ có biết mớ gì đâu mà rầy rà mình được. Hễ báo có sứt thì mình cứ đổ riết cho kinh tế khủng hoảng là xong. Hễ có độc giả nào làm dấu những chỗ viết văn bậy dùng chữ lầm,

dề cho ông chủ để ý thì mình cứ gân cổ lên mà nói: - Đó là chúng thù ghét kẻ vạch, chớ những chữ tôi dùng đều là tiếng nói của cụ tổ Hồng Bàng tôi và là chữ nghĩa của thánh hiền Khổng Mạnh cả. Nếu có phải là sai lầm, *patron* có muốn *sacrer* các cụ ấy tự ý, đâu phải lỗi tôi.

Coi như cái gương ông Diệp Văn Kỳ làm báo *Công luận* đó thì biết sự làm báo quốc ngữ với chủ tây sung sướng biết mấy.

Tôi phân chứng có độc giả C.L. và trời đất thánh thần biết, có phải mấy tháng rồi, ngày nào ở trường nhứt cũng có lời rao đóng khuôn chữ lớn, nói những là bản báo sắp đại cải cách, bản báo sẽ có trợ bút là những danh nhơn nọ, đại gia kia, bản báo sắp bước vào một kỷ nguyên mới v.v... Ai không nghĩ rằng C.L. sẽ thay đổi mặt mày mới lạ hết.

Tôi xin hỏi độc giả coi C.L. bây giờ có mới lạ cải cách gì không? Chẳng qua họ Diệp khéo như độc giả ăn "bánh vẽ" và lừa dối ông chủ Faget để cho qua chuyện mà còn chỗ làm được ngày nào hay ngày ấy đó thôi. Nghĩ coi hô lên đại cải cách giống gì mà tờ báo không ai thấy có chút gì khác xưa, lại còn cúp mắt của độc giả mỗi tuần không có phụ trương văn chương và phụ nữ mà đọc nữa.

Chỉ tại ông Faget không biết tiếng Annam và chữ quốc ngữ, thành ra họ Diệp ta mới hô bướng rao càn mà không cải cách cóc khô gì hết. Rõ ràng làm báo quốc ngữ với chủ tây thật sướng. Nếu làm báo với chủ Annam như tôi, mà tôi làm như kiểu họ Diệp, thì ông chủ tôi biết liền, ông đá đít tôi ra cửa rồi.

Nghe nói ông Faget đã hơi hiểu sự mình bị lừa dối nên mấy lúc nay ông đang rán học chữ quốc ngữ, ông nói với người ta:

- Để tôi học chữ quốc ngữ cho biết họ có gạt tôi mà nói trời nói đất, vẽ yêu vẽ tinh gì trong tờ báo C.L. này [.....]

Nam Chúc

Đào Trinh Nhất viết báo

Trong *Istanbul*, Orhan Pamuk dành rất nhiều trang cho các nhà bình bút chuyên về thành phố Istanbul, nhất là Ahmed Rasim. Các nhà bình bút giữ mục (giữ cột - columnist, hay feuilletonniste) cứ ngày ngày, trong hàng chục năm, viết về đủ thứ trên đời, về những thứ họ nhìn thấy, đọc được hay nghĩ ra. Trong cuốn tiểu thuyết mới, *Báo táng Ngáy thơ* của Pamuk cũng có một nhân vật bình bút có biệt hiệu "Cầm Chướng" gì đó. Các bình bút báo chí, cái loài kỳ quặc ở thời điểm tồn tại, nhiều chục năm sau này ta mới thấy được giá trị của họ, khi mà khung cảnh chung mà họ sống ở trong không còn nữa, hình dung lại vô cùng khó nhọc. Nhất là ta đọc ra ý vị trong những câu chuyện họ kể và ngôn từ họ dùng.

Ở Việt Nam trước đây cũng từng có những nhà bình bút như thế, trong đó Đào Trinh Nhất là một. Ngày nay phần lớn sách của Đào Trinh Nhất đã được in lại, nhưng cái ngòi bút gọn ghẽ và sự châm biếm nhẹ nhàng, bốn cột ấy phải tìm trong các bài báo. Đào Trinh Nhất sinh đúng vào năm 1900, con trai của Đào Nguyên Phổ nên dễ dàng có mối quan hệ với Đông Kinh Nghĩa Thục và Phan Chu Trinh, sau này có mười năm làm báo huy hoàng ở Nam Kỳ (1929-1939).

Dưới đây là mấy bài báo Đào Trinh Nhất đăng trong mục "Chuyện thị phi" của tờ *Đuốc Nhà Nam*, tờ báo tồn tại vào cuối thập niên 20 cho đến giữa thập niên 30. *Bút danh của Đào Trinh Nhất cho mục này là Nam Chúc ("chúc" là đuốc, "nam" ý nói nước Nam).*

Đào Trinh Nhất nói đến vụ toàn quyền Pasquier bị rơi máy bay bỏ mạng đầu năm 1934 và gọi lại một lịch sử đi sứ của Việt Nam. Đặc biệt, Đào Trinh Nhất rất ghét Tàu; tác phẩm đầu tiên của Đào Trinh Nhất tên là *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* xuất bản rất sớm trong đời Đào Trinh Nhất, vào năm 1924; ông cũng đối chiếu kiêu khinh người của dân Tàu với chính sách bài Do Thái của nước Đức thời Hitler (gọi là Hách-lê). Bài báo thứ ba dùng để chế nhạo tờ *Công luận*, cụ thể hơn là chĩa mũi dùi vào Diệp Văn Kỳ, một nhà báo nổi tiếng thời ấy.

Phát hiện ra Đào Trinh Nhất từng đọc báo *Je suis partout*, tờ báo cực hữu với yếu nhân là Lucien Rebatet.

nguồn tư liệu: courtesy of THC

Rủi may âu cũng có trời

Ba ông đại biểu kinh tế của ta (có thể gọi tên như vậy được) đã đến Paris bình an từ bữa 18 Janvier, theo như mấy cái tin tức bằng vô tuyến điện bốn báo tiếp được và đã công bố rồi.

Từ bữa thấy cái thảm kịch của chiếc máy bay *Emeraude*, thì hẳn khắp đồng bào, ai cũng hù hồn hù vía giùm cho ba ông Long, Lân và Sang. Nơi cửa miệng của mỗi người, đều có lời này thốt ra:

- Thiệt, đại biểu Việt Nam ta có phước quá. Ấy là cái điều lành cho ta phen này cầu cứu nước Pháp được kết quả đây.

Phải, có phước lắm.

Ban đầu tính rằng ba ông đại biểu cùng đi chiếc *Emeraude* một lượt với quan Toàn quyền Pasquier để tới Paris cho mau, vì là Thượng quốc có lệnh đòi phải đi ngay. Song, lòng trời xui khiến, một là đại biểu dự bị không kịp, hai là ý quan Toàn quyền không muốn đi với đại biểu, thành ra chiếc *Emeraude* chờ ngài đi cất cánh ở Saigon ta bữa 5, còn đại biểu phải lui lại đi chuyến máy bay thường, ở Tân-sơn-nhứt khởi hành sáng bữa 7.

Chỉ vì có chút trắc trở đó mà tánh mạng quý báu của 3 vị đại biểu ta mới toàn, nếu không thì đã ngã với chiếc *Emeraude* và 10 ông kia ở Corbigny rồi.

Tôi tin rằng trong sự may mắn này cũng có thiên tâm chủ định, chứ không phải là một sự may ngẫu nhiên đâu, khoan nói chi là tại số mạng của 3 ông đại biểu còn dài, tôi nói ngay rằng nhờ nơi cái sứ mạng của nước Việt Nam mà 3 ông mang ở trong mình, nên chi ông trời phải xui khiến cho không đi được chuyến *Emeraude*, và ngài lại phái thiên binh thần tướng đi bảo hộ dọc đường cho các ông đi bình yên cho tới Paris đó.

Thiệt vậy, nước Việt Nam mấy lâu đã gặp nghèo mang khổ, trời không cứu được thì thôi, nay nước Việt Nam phái đại biểu qua Thượng quốc trần tình và cầu cứu, không lẽ nào trời không phò hộ cho được. Bữa trước tôi đã đoán rằng Thượng đế phải truyền lệnh cho thần mưa thần gió tạm nghỉ việc, để cho đại biểu đi đường bình an; thế mà khi máy bay chở đại biểu đi ngang

miệt Corfou nước Ý có gió bão làm cho chậm trễ mệt nhọc, có lẽ ông thần gió bảo trấn nhậm ở đó trái lệnh Thượng đế, chắc khi hôm nay ông cũng đã bị cúp lương hay là giáng chức rồi.

Tôi tin rằng ba vị đại biểu có sứ mạng quốc gia trong mình, nên chỉ được bình an vô sự, là bởi tôi ngó lại lịch sử nước nhà từ xưa đã có kinh nghiệm: xưa nay nước Nam mình không có một cuộc đi sứ nào gặp việc hiểm nghèo bao giờ.

Đời trước, mỗi một trào vua lên ngôi, thì có một phen sai sứ thần qua nước Tàu dâng lễ triều cống và lãnh sắc thọ phong. Xem những bài “Sứ trình nhật ký” của các cụ ta xưa để lại, thì biết các cụ đi xứ Tàu, thật là trải thiên sơn vạn thủy, thiên hiểm vạn nguy, chớ phải được đi xe hơi tàu thủy như ngày nay sao, thế mà các cụ đi đến nơi, về đến chốn, không hề gặp chuyện hiểm nghèo trắc trở nào hết. Có cụ đêm nằm giữa rừng, mà cạp beo không dám ăn; có cụ đêm vô ngủ nhờ trong miếu thờ Hạng vương, ai cũng bảo là linh lắm, nhưng cụ đề thơ vào vách, mắng nhiếc Hạng vương, thì hồn của Hạng vương hiện lên, cầm dùi đồng vỗ cho cụ sứ thần ta u đầu chạy te rồi thôi, chớ không dám đánh chết.

Lại hồi đời Tự Đức, các cụ Phan Thanh Giản, Nguyễn Khắc Đản, đi sứ qua nước Pháp, phải đi bằng tàu buồm mỏng manh và đi biển quanh co lâu lắc biết bao, vậy mà các cụ đi về vô sự đó chi.

Theo sự tin tưởng của ta, hễ ai có mạng nhà vua ở trong mình, tức là có thần linh ủng hộ luôn luôn, cạp đói không dám ăn, bão tố không làm hại; hay dầu có rủi gặp chuyện nguy đi nữa thì cũng qua khỏi như không.

Tôi không biết sự tin tưởng như thế phải hay là không, cũng không biết sứ mạng nhà vua có làm cho cạp kiêng gió sợ hay không, chỉ biết là trong lịch sử ta mấy ngàn năm, trải có mấy trăm phen sứ mạng, mà không phen nào có sự nguy hiểm gì. Ấy là cái hên riêng của nước nhà không chừng...

Nam Chúc

Đào Trinh Nhất, nhà báo Việt Nam tiên liệu sớm nhất số phận Xô Viết PHN



Ảnh nhà báo Đào Trinh Nhất 24 tuổi
khi viết quyển sách đầu tay

Mời quý bạn đọc chương 1, quan điểm kinh tế- chính trị của nhà báo Đào Trinh Nhất:
“Một là tư bản và nhân công hợp với nhau. Tư bản với nhân công là hai tài liệu để lập nên một nước phú cường, tất phải tương tư tương trợ lẫn nhau, rời nhau ra thì đều là vô dụng, lại có hại nữa. Thế giới ngày nay, xướng lên cái chủ nghĩa tư bản, và cái chủ nghĩa lao động, có ý phản đối nhau, song kết quả chỉ thấy là phá hoại, thường khi bọn thợ đình công, mà công nghệ phải

chịu ảnh hưởng lớn, thường khi ông chủ đóng cửa xưởng, mà bọn thợ đến nỗi mất việc làm, chúng có rành rành, là nước Nga gây nên cái chính sách lao nông, mà trong nước tan tành ra đó, chỉ nay mai tất ta thấy nước ấy phải quay về chế độ thường, nghĩa là nhân công phải đi đôi với tư bản. Như thế thì đủ hiểu rằng tư bản với nhân công, không thể bỏ nhau mà làm nên việc được”. (trang 28,29, từ bản gốc: *Thế lực khách trú* và vấn đề di dân vào Nam kỳ, nhà xuất bản Thụy Ký, Hà Nội 1924, do Nxb Hội nhà văn tái bản tháng 8.2016, in nguyên gốc và bìa).



Thế lực khách trú

Xin bạn đọc lưu ý, chúng ta vừa đọc gần hai trang sách trên được viết cách đây ngót 100 năm. Tiếng Việt từ đó đến nay đã thay đổi nhiều theo quá trình lịch sử, nên có thể chúng ta có ngỡ ngàng đôi chút về lời văn và từ ngữ. Chẳng hạn, hồi đầu thế kỷ 20, trí thức và báo chí còn dùng nhiều từ Hán Việt, ví như câu “Tư bản với nhân công là hai tài liệu để lập nên một nước phú cường”. Nhà báo dùng từ “tài liệu” rất chuẩn theo nghĩa gốc (nguyên vật liệu để làm việc). Đương đại, tài liệu chỉ còn là “giấy tờ và tương đương”. Lại nữa, nhà báo gọi công nhân thợ thuyền là “bọn thợ đình công” không có ý gì khinh miệt người thợ, đó chỉ là từ Việt cổ quen dùng (bọn: số đông).

Bây giờ chúng ta bàn về quan điểm cơ bản của nhà báo “Thế giới ngày nay, xướng lên cái chủ nghĩa tư bản, và cái chủ nghĩa lao động, có ý phản đối nhau”.

Ai “xướng lên” cái chuyện đó ?

Chính là những người truyền bá chủ nghĩa Mác Lê đã đưa vào Việt Nam chủ trương đó. Lúc này Nguyễn Ái Quốc đang bôn ba hải ngoại trời Âu tuần về nước một số bài báo quảng bá “cách mạng tháng Mười và Lê Nin, chủ nghĩa Mác”. Lúc này Đảng cộng sản chưa ra đời ở nước ta, kể cả Trung quốc. Nhà báo tạm gọi cái chủ nghĩa Mác Lê là “chủ nghĩa lao động”. Chủ nghĩa Mác Lê đưa ra giải pháp “thuyết đấu tranh giai cấp”: kêu gọi giai cấp vô sản tức “giai cấp lao động” phải tiêu diệt giai cấp tư sản.

Nhà báo đã rất ngạc nhiên về “học thuyết” này. Ngay từ năm 1919, Đào Trinh Nhất từ Hà Nội quan sát nước Nga xô viết xa xôi và nhận xét về cuộc “cách mạng” tháng Mười bên đó: “song kết quả chỉ thấy là phá hoại, thường khi bọn thợ đình công, mà công nghệ phải chịu ảnh hưởng lớn, thường khi ông chủ đóng cửa xưởng, mà bọn thợ đến nỗi mất việc làm, chúng có rành rành, là nước Nga gây nên cái chính sách lao nông, mà trong nước tan tành ra đó”.

Nhà báo gọi tên chính sách Nga xô xây dựng CNXH từ trước năm 1919 là “chính sách lao nông”. Nghĩa là, chính sách vắt kiệt sức lao động của nông dân (và công nhân) cho sự nghiệp cách mạng, chỉ cấy sức lực số đông vô sản, không quan tâm “tư bản”.

Và kỳ tài thay, nhà báo trẻ từ 1919 đã tiên đoán:

“...chỉ nay mai tất ta thấy nước ấy phải quay về chế độ thường, nghĩa là nhân công phải đi đôi với tư bản. Như thế thì đủ hiểu rằng tư bản với nhân công, không thể bỏ nhau mà làm nên việc được”

(người viết in đậm nhấn mạnh- PHN).

“Chế độ thường” nghĩa là chế độ đúng qui luật, tức là chế độ tư bản. Mặc nhiên nhà báo coi chế độ cộng sản Nga là chế độ “dị thường”.

Lời tiên đoán thiên tài của nhà báo nhà kinh tế chính trị học, trưởng thành từ gốc văn hóa Hán-Pháp, về cái tương lai của nước Nga: “nay mai” tuy chưa xác định cụ thể, nhưng nhất định nó phải thất bại và thay đổi. Tiên tri đã ứng nghiệm hơn sáu chục năm sau, khi “bức tường Berlin” và hệ thống XHCN Đông Âu sụp đổ.

Trong khi nhà báo viết công trình này (1919) chỉ hai năm sau “cách mạng tháng Mười Nga” 1917, một năm trước khi ông Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng cộng sản Pháp năm 1920. Nguyễn Ái Quốc sau đó đã tìm cách đưa một số người sang Nga học “đại học cộng sản” gọi tên là “ĐH lao động cộng sản phương Đông” để rước “món nợ” về nước Nam ta (Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, trước đó cùng 1 nhóm đồng chí đã tham gia hoạt động với Trung cộng).

Công trình Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam kỳ được viết từ năm 1919, xuất bản 1924, nội dung chủ yếu nghiên cứu về tình hình người Hoa ở Việt Nam và đề xuất sách lược sống chung với họ, đồng thời lưu ý giải pháp ngăn cản sự bành trướng vô lối của họ. Nhà báo không sa vào ý thức “bài Hoa” theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Ông chỉ cảnh báo cái họa Bắc phương. Và ông không ngờ cái họa “hữu hảo hai Đảng” sau này còn ghê gớm hơn nhiều. Bởi vì khi nhà báo viết sách, cái họa ấy còn đang manh nha mọc mầm bên kia biên giới. Lúc ấy mới chỉ có lù lù hiện tượng Nga xô, còn Đảng của Mao tới năm 1921 mới mọc lên. Tuy nhiên, tiên tri quá sớm về Nga cộng cũng là tiên đoán về Trung cộng vì họ cùng tôn thờ một “chủ nghĩa lao động”, Nga cộng và Tàu cộng chỉ là thầy và trò mà thôi.

Trích Việt Nam Thời Báo (ljavn.org)